

VĂN HỌC

CỦA KHOA HỌC NHÂN VĂN
H • SÁNG TÁC • NGHỆ THUẬT

60

天擇所定
存者存之
不復思

THÂN THỂ
THI NGHIỆP
CÁO BÁ QUÁT
PHÂN KIM

CAO BÁ QUÁT
KỂ BẤT ĐẮC CHÍ
CON NGƯỜI
NÓI LOẠN HAY
NHÀ CÁCH MẠNG
NGUYỄN ANH

CAO BÁ QUÁT
NHÀ THƠ
BẤT MÃN VÀ
NÓI LOẠN

XÉT LẠI NHÀ THƠ
CAO BÁ QUÁT
THÁI BẠCH

CÁO BÁ QUÁT
PHÁ ĐÀM
CỦA CUỘC ĐỜI
DƯƠNG HUYỀN

Chính phủ ngấm
lên tiếng
NGUYỄN V. XUÂN
trả lời
VĂN HỌC
và
LÊ HỮU MỤC

SỐNG MÒN
Truyện dài
NAM CAO

hoạt
nghệ thuật
thiếu
báo
đáp
vấn đề
nhân văn



Nội dung

1. Thân thể

và thi nghiệp của
Cao Bá Quát

PHAN KIM

2. Cao Bá Quát kẻ phá đám trước cuộc đời

TƯƠNG-HUYỀN

3. Cao Bá Quát kẻ bất đắc chí, con người nổi loạn hay nhà cách mạng ?

NGUYỄN-ANH

4. Xét lại nhà thơ Cao Bá Quát

THÁI-BACH

Sáng tác thường xuyên :

5. Chính phủ ngấm lên tiếng t.g.s Nguyễn văn Xuân trả lời Tạp chí Văn Học và g.s Lê hữu Mục

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

6. Sống mòn (Truyện dài — Kỳ 13)

NAM-CAO

Hình bìa : *Tự tích của CAO BÁ QUÁT*

Đồng chữ thảo này là : *Thiên cơ sở chỉ, lục
bút định bất phi tường.*

Dịch là : *Tâm thơ tự nhiên đã đến, hạ bút xuống
không cần tốn công suy nghĩ.*

* Chủ trương biên tập : PHAN KIM THỊNH

* Quản lý : NGUYỄN PHƯƠNG KHANH

* Biên tập và ấn loát : 50, khu C — Làng Báo chí — G.Đ.

* Địa chỉ liên lạc : 449B, Hai Bà Trưng — Quận 3

ĐT : 41.265 — SAIGON

Gửi bạn đọc

Văn Học tháng 12 này chúng tôi phát hành trễ gửi đến bạn đọc vì lý do hoàn cảnh hiện tình báo chí hiện đại. Văn Học phải qua sự P. H. N. T.

Duy trì chủ trương nghiên cứu, giới thiệu và phê bình những chủ đề văn hóa dân tộc hữu ích cho một số nhà làm văn học sử và học sinh, sinh viên, Văn Học số này xin dành cho chủ đề viết về một nhà thơ cò điển tên tuổi nước nhà đã tạ thế hơn một thế kỷ nay: Nhà thơ Cao Bá Quát.

Nhà thơ họ Cao trước đây một thế kỷ đã vì lý do nào bất mãn với thời thế, với chính quyền và tại sao ông lại đứng về phe làm loạn hay gọi văn hoa hơn là nhà thơ họ Cao đã làm "cách mạng" như các nhà văn, nhà thơ hiện đại cũng đang làm "cách mạng". Vậy có thật là nhà thơ họ Cao vì lý tưởng muốn cải tạo xã hội cho công bằng nên ông đã bất mãn mà làm cách mạng hay chỉ vì danh vọng, thất sủng mà ông phải làm "cách mạng"? Tất cả nguyên nhân bất mãn của nhà thơ họ Cao sẽ được các tác giả Thái Bạch, Nguyễn Anh, Trương Huyền... phân tích và phê bình nhận định trong số báo này để gửi đến bạn đọc.

Nhân dịp số Văn Học này chúng tôi cũng xin cáo lỗi cùng bạn đọc về sự chậm trễ thực hiện chủ đề đặc biệt về nhà học giả Phạm Quỳnh do giáo sư Nguyễn văn Trung biên soạn. Lý do chưa ấn hành được bởi nội dung bài biên khảo giá trị của giáo sư Trung có nhiều sự phát giác đặc biệt liên quan đến nhà học giả Phạm Quỳnh, nhưng hiện tình Văn Học đang ở trong quy chế PHNT nên tòa soạn chưa thể gửi đến bạn đọc được. Và chúng tôi xin dành lại đề chờ tương lai rất gần, báo chí để dành Văn Học sẽ ấn hành đề gửi đến bạn đọc.

* * *

Văn Học đang sửa soạn ấn hành chủ đề GIỌT LỆ TRONG THƠ đề gửi bạn đọc sau số chủ đề NHỮNG LÁ THƠ TÌNH CỦA CÁC DANH VĨN phát hành 1-1-73 này. Mong bạn đọc đóng góp bài vở và cổ động cho Văn Học phổ biến sâu rộng hơn.

TÒA SOẠN

Thân thể và thi nghiệp nhà thơ Cao Bá Quát (1800 (?) - 1854)

**Nhà thơ họ Cao sinh năm nào ?
Và ông bị xử chém chết ? chết trận ? hay đi tu ?**

Hoàn cảnh nước ta mấy thế kỷ trước vì dân trí còn chậm tiến nên vấn đề sử liệu những năm tháng của mấy thế kỷ trước đã không được ghi chép đầy đủ hoặc nếu có ghi chép cũng thiếu sót sai lạc hoặc mơ hồ. Bởi vậy bây giờ mỗi khi viết tiểu sử hay văn nghiệp của những nhân vật thuộc thế hệ cổ điển rất khó khăn nhất là ngày, tháng, năm sinh cùng tạ thế thấy mỗi sách báo ghi chép khác nhau và chúng tôi thấy không biết căn cứ vào sách nào, báo nào là đúng, là sai ?

Một phần thiếu sót và sai lầm của đa số những người viết sách báo khi xưa và một số nhỏ thời nay là hay cầu thả và tự phụ. Thí dụ khi viết về cuộc đời của nhà thơ Hàn Mặc Tử hay Đinh Hùng mà nghe ông A, ông B là bạn của Hàn Mặc Tử, Đinh Hùng kể lại rồi nhắm mắt ghi chép thì tai hại vô cùng. Vì biết đâu ông A, ông B chẳng cao hứng hay tự bịa đặt thêm tình tiết ly kỳ để tỏ ra ta đây là "người biết quá nhiều". Và khi câu chuyện tình tiết đã được đăng lên báo, in trên sách thì dù có sai lạc hay bịa đặt trăm phần trăm thì nhà thơ họ Hàn, họ Đinh cũng không tài nào đội ván lên mà cải chính được. Bởi vậy nếu viết văn học sử mà cứ một sách, cứ nghe nói, nghe kể mà ghi chép lại thì tai hại vô cùng.

Đề tránh cho khỏi sa vào vết chân của những người đã nhầm

lần trên, bây giờ chúng tôi đã cố gắng đi tìm những tài liệu trong và ngoài nước đã viết về những nhân vật mà mình cần viết đề so sánh xem các tác giả có viết giống nhau không rồi đúc kết lại và đi tìm các thân nhân gần hoặc xa cùng những người đương thời có liên hệ đến nhân vật mà mình cần tìm hiểu đề hỏi thăm dò xét xem sự việc các sách, báo trên đã xuất bản có ghi chép thiếu sót, thêm bớt hay sai lầm điều gì không. Nếu đúc kết lại thấy sự việc đã giống nhau và hữu lý thì lúc đó chúng tôi mới làm bản so sánh và ghi chép về tiểu sử và sự nghiệp của mỗi nhân vật mà mình cần viết. Tuy nhiên có nhiều trường hợp nếu thấy mơ hồ không có chứng minh rõ ràng thì chúng tôi đã đánh dấu hỏi và ghi chú lưu ý bạn đọc thận trọng đọc lại, tra cứu lại và góp ý kiến đề bổ túc sau này.

Và hôm nay trong sổ Văn Học này chúng tôi phải viết về một nhà thơ cổ điển đã tạ thế cách này hơn một thế kỷ, chúng tôi thấy thật khó khăn viết và nhận định. Nhất là nhà thơ này là nhà thơ Cao Bá Quát đã tạ thế trong một trường hợp bị xử chém (?). Nên những sử liệu liên hệ đến nhà thơ họ Cao khi trước đã không được, không dám ghi chép đầy đủ và trung thực. Như trong các sách Đại quan thực lục chánh biên, Hoàng Việt giáp tý niên biểu, Cao Bá Quát nhân danh truyện ký, Văn Đàn Bảo giám, Việt Nam thơ văn hợp tuyển, Giai thoại làng nho, và nhất là mấy quyển giảng luận về nhà thơ Cao Bá Quát... Thì mấy quyển trên đều ghi chép khác nhau hoặc thiếu sót, thêm bớt những sự việc quan trọng như năm sinh, tạ thế và cái chết. Và chúng tôi có đi tìm, hỏi thăm tìm kiếm xem hiện đang có ai còn sống có liên hệ gì đến ít nhiều với nhà thơ họ Cao không? Thì tất cả đều không có ai, nhất là họ Cao đã bị xử bằng bản án chết chém (?) và chu di tam tộc thì khó lòng mà còn con cháu chất nào dòng họ Cao sống sót đến thế kỷ này. Bởi những lý do trên chúng tôi đã phải tạm căn cứ và tra cứu vào những sách báo đã được xuất bản mà chúng tôi có nhắc ở trên đề viết ít trang về thân thế và thi nghiệp nhà thơ Cao Bá Quát.

Cao Bá Quát là con ông Cao hữu Chiêu, sinh vào khoảng năm 1800 (?) tại làng Phù Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh (Bắc Việt). Ông Cao hữu Chiêu làm nghề dạy học và là người hay chữ. Tục truyền kể lại dòng họ Cao có tiếng hay chữ ở làng Phù Thị nên dòng dõi khoa bảng mấy đời. Chẳng thế mà triều Hậu Lê, ông Cao Bá Hiên đã làm đến Binh bộ Thượng thư kiêm Tham tụng trong phủ chúa Trịnh.

Ông Cao Bá Quát là song sinh với ông Cao Bá Đạt. Ông Đạt ra trước nên là anh và ông Quát là em. Đó là theo trong sách *Luận Ngữ*, nói những người hiền sĩ đời Chu, có một cặp sinh đôi đặt tên như thế.

Tuy ông Quát là em, ốm yếu hơn ông Đạt nhưng ông lại thông minh khác thường. Khi mới 5 tuổi ông Quát đã thuộc hết sách *Tam Tự Kinh*, đến năm 14 tuổi ông Quát đã làm đủ mọi thể thơ, phú và khi đi thi đã đỗ đầu xứ. Kỳ thi Hương khoa năm Tân Mão, niên hiệu Minh Mạng thứ 12 (1831) ông chiếm giải á nguyên (đỗ thứ nhì). Có sách đã viết về những giai thoại của nhà thơ Cao Bá Quát làm nhiều người thán phục về tài thơ văn của ông.

Ông Cao Bá Quát vốn có tài nên tính tình hay tỏ ra ngạo nghễ và thích sống phóng túng nên ông đã phải lặn lội trong việc thi cử và hoạn nạn trong công danh sự nghiệp, cho đến năm 1841 vì có một vị quan ở tỉnh Bắc Ninh dễ dãi, nên ông Quát mới được gọi vào Kinh giữ chức hành tẩu Bộ Lễ. dịp này ông được làm sơ khảo khoa thi Hương tại tỉnh Thừa Thiên. Và giai thoại có chép là trong khi ông làm sơ khảo khoa thi, ông đã gặp một bài văn rất hay nhưng lại phạm húy nên ông đã tìm cách sửa hộ bài văn này của thí sinh bằng cách lấy muội đèn viết thay cho mực. Lý do ông sửa hộ vì ông Quát rất mến mộ các văn tài và lương tâm ông luôn luôn muốn nâng đỡ các người có tài. Nhưng chẳng may việc sửa hộ bài thi ông làm bị bại lộ và ông bị thuyền chuyển vào Đà Nẵng.

Ở Đà Nẵng ít lâu, ông Đào Trí Phú cho ông đi sang Tân gia Ba trong phái đoàn sứ giả và khi trở về ông Quát được thăng chức chủ sự. Sau đó triều đình bổ ông ra làm giáo thụ phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

Làm giáo thụ ở Sơn Tây được ít lâu bỗng ông bỏ đi và tham gia với Lê duy Cự nổi lên chống triều đình nhà Nguyễn lúc đó là năm Tự Đức thứ 7 (1854). Có nhiều người vì mến mộ thơ văn của họ Cao nên đã quá suy tôn nhà thơ là một nhà thơ cách mạng mà họ không để ý hay tìm hiểu lý do nào nhà thơ Cao Bá Quát đã phải đứng trong nhóm Lê Duy Dự. Nếu chúng ta cứ vì lòng yêu mến quá độ mà suy tôn những nhà thơ, nhà văn ... làm loạn thì e rằng văn học sử sau này, sẽ khó phê bình và nhận định.

Bởi một số người tham gia theo nhóm Lê duy Cự quá ít nên tàn quân dần dần bị tan rã và một phần bị bắt sống. Đến Mỹ Lương là chặng cuối cùng của nhà thơ họ Cao bị bắt sống. Có sách nói là nhà thơ họ Cao bị tử trận ở Mỹ Lương, nhưng thực ra ông bị bắt và bị xử chém (1). Năm ông bị xử trảm khiêu tức là xử chém đầu, năm 1854. Có sách đã viết là nhà thơ bị xử chém một cách oan uổng. Bởi sắc vua Tự Đức ban ra ân xá cho nhà thơ họ Cao khỏi bị xử chém, nhưng sắc ban ra tới trễ nơi thi hành bản án. Cho đến lúc đầu ông Quát đã rơi xuống và thấy ông Quát đã nằm yên dưới ba tấc đất nơi xử án mới nhận được sắc vua ban đến. Nếu đúng như trên thì quả là một thiệt thòi lớn cho nước ta đã mất một thơ gia tên tuổi bởi sự chậm trễ của những người làm việc tắc trách và vô trách nhiệm hay lừng khừng câu nệ hoặc quan trọng hóa vấn đề kéo dài thời gian giải quyết vấn đề.

(1) Sách Đại Nam Thực Lục chính biên nói ông Bá Quát chết ở trận này, người bắn chết ông là viên xuất đội Đinh Thế Quang. Song xem những ký tảo của các tư gia và hợp với lời truyền thuyết của các cô lão thì ông bị bắt rồi bị trảm khiêu chứ không phải chết trận và cũng không phải đi tu như có tác giả đã đặt giả thuyết trong số báo này. T.G.

**Một vài giai thoại về
thơ văn của nhà thơ họ Cao.**

Theo giai thoại kể lại rằng khi vua Tự Đức nghe đồn hai ông Bá Đạt, Bá Quát là sinh đôi mà đều học giỏi cả. Vì vậy có lần vua Tự Đức đã cho gọi cả hai ông vào để xem tướng mạo và sức học. dịp này nhà vua có ra câu đối như sau : *«Đồng bào song sinh, nan vì huynh, nan vì đệ»*. Ông Đạt còn đang suy nghĩ thì ông Quát đã ứng khẩu đọc ngay : *«Thiên tài nhất ngộ, hữu thị quân, hữu thị thân»*. Nhà vua nghe xong hết sức khen ngợi, nhất là phục cái thiên tài mẫn thiệp của ông. Bởi vậy nhà vua đã khen ông Quát và có câu rằng : *«Văn như Siêu, Quát, vô Tiền Hán...»*. Nghĩa là văn hay như ông Siêu, ông Quát, thì không có Tiền Hán nữa (1). Tuy ông Quát làm thơ phú rất nhanh và hay nhưng tính tình ông lại thích phóng túng và ngạo nghễ không chịu ràng buộc trong khuôn khổ, bởi vậy ông đã bị lặn dận trong việc thi cử.

Có giai thoại ghi lại là trong khi ông Quát bị bắt giam, ông có làm hai câu thơ tức cảnh trong nhà ngục như sau :

Một chiếc cùm lim, chân có đế,

Ba vòng xích sắt bước thì vương.

như vậy đủ biết dù ông đang bị xiềng xích nhưng cái mộng đế, vương, của nhà thơ vẫn còn trong tâm trí,

Đến khi ông bị đem ra hành quyết trước khi ông phải chết ông đã đọc hai câu thơ như sau :

Ba hồi trống dục đủ cha kiếp,

Một nhát gươm vung bỏ mẹ đời.

(1) Nguyễn văn Siêu là người làng Kim Lũ, tỉnh Hà Đông cũng nổi tiếng văn thơ cùng với ông Quát.

Khi người ta đã xử ông rồi, người ta còn đem đầu ông đi bêu khắp vùng để cho các thuộc hạ trong đảng của ông Quát thấy thực là ông đã chết và không chống cự nữa.

Cái tính ngông nghênh của nhà thơ họ Cao không phải chỉ có khi ông đã đỗ đạt, đã lớn tuổi mà ngay khi còn nhỏ tuổi ông cũng đã bướng bỉnh và và làm cho nhiều người giận, không ưa ông tuy có phục tài thơ văn ứng đáp của ông rất giỏi. Một giai thoại đã kể khi 10 tuổi, ông Quát đã có dịp được gặp mặt vua Minh Mạng trong trường hợp như sau :

Một hôm nhân nhà vua Minh Mạng ngự giá ra Bắc và xem cảnh Hồ Tây, ông Quát cũng theo dân chúng đi xem nghỉ vệ nhà vua, vì trời nắng nóng nực, ông Quát bèn cởi quần áo lội xuống hồ Tây tắm cho mát. Lính nhà vua thấy thế bèn bắt trói ông vì cho ông là phạm thượng hỗn láo dám cởi truồng và tắm chỗ vua ngự giá. Nhà vua thấy một cậu bé mười tuổi đang bị lính trói và bắt quì. Nhà vua thấy cậu bé có nét mặt khôi ngô và thông minh, liền ra câu đối :

Nước trong leo lẻo, cá nuốt cá.

Cao Bá Quát không cần suy nghĩ lâu liền ứng khẩu ngay :

Trời nắng chang chang, người trói người.

Vua Minh Mạng nghe thấy câu đối của Quát hay và giỏi nên ra lệnh cởi trói cho Quát và tha tội cho ông.

Nhưng câu chuyện trên chỉ là giai thoại thôi còn hư thực chúng tôi không dám quả quyết là đúng là sai. Vì câu chuyện đã xảy ra cách đây hơn một thế kỷ nên chắc chắn nó sẽ có phần sai lạc thêm bớt đi nhiều. Vậy chúng ta đừng nên quá một sách mà căn cứ vào những giai thoại do sách vở để lại rồi phê phán nhận định về cuộc đời của nhà thơ họ Cao.

(Xem tiếp trang 68)

THÁI BẠCH

Xét lại nhà thơ Cao Bá Quát

- Vua Tự Đức có khen Cao-Bá-Quát không ?
- Cự Lương - văn - Can có phải là người đã chôn Cao - Bá - Quát ?
- Họ Cao bị chém hay trốn thoát đi tu ?
- Có phải là nhà cách mạng và là tác giả của những câu đối...?



1.— NHỮNG NÉT VỀ CUỘC ĐỜI CAO BÁ QUÁT

Cao bá Quát một thi nhân Việt Nam ở vào hậu bán thế kỷ 18, một hậu bán thế kỷ mà phe thống trị độc đoán tức tập đoàn vua quan nhà Nguyễn, càng ngày càng đẩy dân chúng vào công cuộc khởi loạn. Vì cảnh nghèo khổ lầm than do chính sách kinh tế lạc hậu và tư tưởng thoái hóa gây nên.

Cao bá Quát sinh năm nào ? Không sách nào ghi rõ, chỉ biết ông bị tử hình vào đúng năm Tự Đức thứ bảy, âm lịch năm Giáp Dần Dương lịch 1854.

Người làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh, Cao Bá Quát tự Mẫn Hiên, hiệu Chu Thần, ông là anh em sinh đôi với Cao bá Đạt và là bạn học với ông Phương Đình Nguyễn văn Siêu.

Sinh trưởng trong gia đình cự tộc, khoa bảng, thân phụ của ông là cụ Cao hữu Chiếu. Tuy chỉ là một cụ đồ, nhưng trong giòng họ trước đã có Cao bá Hiên làm đến Bình bộ thượng thư, kiêm tham tụng thời vua Lê chúa Trịnh.

Cao bá Quát học cha, gặp kỳ khảo hạch ở tỉnh nhà, ông đỗ đầu xứ.

Khoa Tân mao, niên hiệu Minh Mạng, thứ 12, dương lịch 1831, Cao bá Quát đỗ Á nguyên trường thi hương Hà Nội.

Về việc này, nhiều tài liệu chép khác nhau, có chỗ...nói đáng lẽ ông đỗ Giải nguyên, nhưng triều đình duyệt lại, xuống Á nguyên. Có chỗ nói anh ông, Cao bá Đạt bị hồng kỳ này đến khoa sau mới đỗ. Lại có chỗ nói hai anh em ông cùng đỗ một khoa, ông Quát, Giải Nguyên, ông Đạt, Á Nguyên, khi các khảo quan hợp phách, thấy anh em ruột, mới bảo người em nhường Giải nguyên cho anh, vì thế, khi vào dự yến, các quan giám khảo có câu ra :

Nhất bào xong sinh, nan vi huynh nan vi đệ,

Quát, ứng khẩu đòi lại :

Thiên tài nhất ngộ, hữu thị quan hữu thị thần.

Chưa biết tài liệu nào đúng, nhưng điều chắc chắn, cả hai anh em đều đỗ cử nhân, nên Cao bá Đạt được đi tri huyện Nông Cống (Thanh Hóa), Cao bá Quát sau mấy lần hồng khoa thi Hội vì phạm trường quy, cũng được triệu vào kinh sung chức Hành tâu bộ Lễ do sự đề cử của quan tổng đốc tỉnh Bắc Ninh.

Gặp kỳ thi Hương tại Thừa Thiên. Cao bá Quát được phái đến nhận chức sơ khảo. Vì muốn cứu vãn một cuốn văn phạm quốc huy, Cao bá Quát đã cùng bạn là Phan Nhã dùng muối đèn làm mực đề chữa (lệ xưa các quan chấm thi chỉ được đem bút son vào trường) cho đỗ.

Việc bị lộ, Quát bị cách chức, phát phối đi Đà Nẵng.

Hai năm sau, Cao bá Quát được tha và được cử làm tỳ

tùng trong sứ bộ đi Tân gia Ba do cụ Đào tứ Phú cầm đầu. Khi trở về ông được phục chức và thăng lên chủ sự.

Năm Tự Đức thứ bảy, Cao bá Quát bị đổi làm giáo thụ phủ Quốc Oai thuộc tỉnh Sơn tây ngoài Bắc Việt. Được ít tháng vì bất mãn, ông bỏ quan theo làm quân sư cho Lê duy Cự đề chống lại triều đình.

Việc thất bại, Cao bá Quát bị phó lãnh binh Sơn Tây Lê Thuận vây bắt được đem về xử tử tại làng. Hai người con ông là Cao bá Thông, Cao bá Phòng cũng cùng chung số phận. Anh ông là Cao bá Đạt đang làm tri huyện huyện Nông Cống giải về kinh ; đến nửa đường ông này cần lười tự tử sau khi làm hai câu thơ tuyệt mạng đề tả nỗi oan ức :

Khấp cùng vũ trụ thiên vô Bắc

Nộ đảo san hà địa dục đông.

Những người bạn của Quát như Đinh nhật Thận cũng bị giải vào kinh xét hỏi. Con ông Bạt là Cao bá Nhạ nổi tiếng hay chữ, phải cải dạng đổi tên đi đi trốn dạy học ở một làng nọ thuộc huyện Mỹ đức tỉnh Hà đông nhưng 8. 9 năm sau cũng bị kẻ chỉ điểm cho quân lính triều đình đến bắt. Ông này bị phát vắng đi một miền nước độc rồi biệt không tin tức.

2.— CỤ CỬ LƯƠNG VĂN CAN CÓ PHẢI LÀ NGƯỜI CHÔN CẤT THI HÀI CAO BÁ QUÁT ?

Đại để cuộc đời Cao bá Quát là thế, và cái chết đã đem lại một sự liên lụy thê thảm cho cả gia đình, thân thuộc và bè bạn. Trong số bạn bè, những người mến tiếc tài hoa của ông cũng lắm, nhưng chỉ có Phương Đình Nguyễn văn Siêu dám làm câu đối khóc ;

*Tối lân tai, quán cớ tài danh, nan đệ cánh nan huynh,
bán thế ngẫu sinh hoàn ngẫu tử.*

*Khả tích giả đương đầu thế sự, thử nhân nhi
thử ngộ, bách niên lưu sử diệt lưu phương.*

Nghĩa là : «Khả thương thay một bức tài danh quán thế, khó làm em, khó làm anh, một cặp sinh đôi lại thác đôi. Tiếc biết bao cuộc đời đến thế, người như vậy cảnh ngộ như vậy, thật là trăm năm còn để tiếng thơm lẫn tiếng xấu.

Như vậy, thi hài ông cũng mặc sự chôn cất của quan quân triều đình, sự chôn cất cho một tên tử tội. Theo ông Nguyễn hiến Lê, tác giả quyển «Đông kinh nghĩa thực» xuất bản năm 1956 thì người chôn cất thi hài Cao bá Quát, không ai xa lạ, mà chính là cụ cử Lương văn Cao, thân phụ của liệt sĩ Lương ngọc Quyến, một yếu nhân trong phong trào Đông kinh Nghĩa thực.

Trong tác phẩm biên khảo này, có đoạn ông Lê viết :

«Cụ Lương sở dĩ được bầu chức thực trưởng, vì cụ lớn tuổi hơn cả mà tánh tình lại ôn nhu và khí tiết. Cụ sinh năm 1854 ở làng Nhị Khê, tỉnh Hà đông — tức quê của Nguyễn Trãi — xuất thân trong một gia đình nghèo, hồi nhỏ có lần cụ phải làm thợ sơn trong vài tháng. Năm 21 tuổi cụ đậu cử nhân năm sau thì hội được phân số, triều đình bổ làm giáo thụ phủ Hoài, cụ từ chối. Sau chính phủ Pháp cử cụ làm Hội đồng thành phố Hà-nội, cụ cũng không nhận, chỉ ở nhà dạy học, mà môn đệ nổi danh nhất của cụ sau này là cụ Nguyễn hải Thần. Ngay từ hồi trẻ cụ đã tỏ ra có khí phách. Khi Cao bá Quát bị chém bên đầu ở phủ Hoài, môn đồ không ai dám xin thi hài về chôn cất, sợ lụy tới thân, duy có cụ khẳng khái dâng sớ xin, triều đình cho phép và khen là người có nghĩa.

Đọc những hàng chữ trên, không ai không phải thần phục cái nghĩa cử trên đối với Cao bá Quát của nhà cách mạng Lương văn Can. Có lẽ cụ Lương cũng là học trò họ Cao nữa.

Nhưng xét ra hoàn toàn không đúng, vì năm sinh của cụ Lương như ông Lê đã viết lại chính là năm tử của nhà thơ họ Cao. Như thế, khi Cao bá Quát bi tử hình—theo sử vào khoảng tháng mười—Cụ Lương vì có mở mắt chào đời vào tháng đầu năm, cũng còn hai tháng nữa mới đầy tuổi thôi nói. Hỏi sao mà xin mai táng được?

Nay nói về nhà thơ Cao bá Quát chúng tôi xin đính chánh tài liệu trên đây.

3.— CAO BÁ QUÁT CÓ PHẢI LÀ NHÀ CÁCH MẠNG KHÔNG? VÀ CÓ PHẢI TÁC GIẢ CÂU: «BA HỒI TRỐNG GIỤC MỒ CHA KIẾP, MỘT LÁT GƯƠM ĐƯA BỎ MẸ ĐỜI...»?

Như đã thuật, cuộc đời của Cao bá Quát, chỉ là một thi nhân hay một nhà khoa bảng, một văn thần đã tham gia cuộc nổi loạn rồi bị bắt xử tử.

Trong lịch sử Việt Nam những người như Cao bá Quát hoặc hơn cũng không phải là ít. Nhưng Cao bá Quát được thiên hạ nhắc đến, bởi tên ông mấy lúc sau này, đã được bộ Quốc gia Giáo dục đề vào chương trình giáo khoa trung học với một mở thi văn gồm đa số những bài ca trù nội dung có lúc thì nuôi một hoài bão tự phụ:

Chẳng lưu lạc sao trời mù trần thế,

Còn trần ai khôn tỏ mặt công hầu.

Ngất ngưỡng thay con tạo khéo cơ cầu,

Muốn đại nhiệm hãy ghim cho lũng tưng

Thần hệ bang gia chung hữu dụng.

Thiên sinh hào kiệt bất ưng hư.

Hãy bền lòng chờ trách oán vu.

Thời chí hĩ ngư long biến hóa.

Có lúc thì cò võ ăn chơi, tán tụng hành lạc:

Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy

Cảnh phù du trông thấy cũng nực cười.

Thời công đâu chuốc lấy sự đời!

Đoạn tổng nhất sinh duy hữu tử.

Trăm tư bách kể bất như nhàn!

Có lúc thì bất mãn chán đời:

Thế sự thặng trăm quân mạc vấn.

Yên hà thâm sử hữu ngư châu.

Vất tay nằm nghĩ chuyện đầu đầu.

Đem mộng sự độ với châu thân thời cũng thiệt,

Duy giang thượng chi thanh phong, dữ sơn gian chi
minh nguyệt.

Kho trời chung mà vô tận của mình riêng.

Cuộc vương tròn phỏ mặc khuôn thiêng.

Kẻ thành thị mà ai miến lâm tâu.

Gõ nhịp lấy đọc câu « tương tiến tửu »

Quận bất kiến Hoàng-hà chi thủy thiên thượng lai.

Làm chi cho một một đời.

Thi văn Cao bá Quát có nhiều vừa Quốc âm vừa chữ Hán đều ghi trong Chu Thần thi tập, mà nội dung đại loại không ngoài những tính chất trên kia. Đây cũng là một cách trả lời cụ thể cho câu hỏi: « Cao bá Quát có phải là nhà thơ cách mạng, hay tác phẩm của ông không hơn kém chỉ là những bài thích hợp cho những kẻ ăn chơi đái các, và những kẻ nằm trong ngõ cụt đề ôm hờn thế sự khi không được thỏa mãn những nhu cầu sinh sống ? »

Gác điềm này ra vì ở đây chúng tôi muốn đi sâu vào danh từ cách mạng, hoặc thi văn cách mạng — người ta còn đưa lý do bảo Cao bá Quát là người cách mạng đã dám đứng vào phe cách mạng chống lại một chế độ thối nát, đề cao, Cao bá Quát là đề cao con người cách mạng. Nếu thế, tại sao ta không đề cao những người đứng ra lãnh đạo phong trào ấy Lê duy Cự, Lê duy Đồng, Lê duy Văn, v.v... cùng các nhân vật đồng thời của nhiều nhóm khác ? Chưa kể đến trước thời đại ấy và sau thời đại ấy, còn bao kẻ khác cũng chống chánh quyền nữa.

Có người bảo, đành vậy nhưng hành động của Cao bá Quát là hành động của một nhân vật với ý chí muốn cải tạo xã hội vì chuyển đi Tân gia Ba với cụ Đào tri Phủ, ông đã sớm thấy cái văn minh nước ngoài, nên khi làm quân sư cho Lê duy Cự, ông đề vào lá cờ hai câu :

Bình dương Bồ bản vô Nghiêu Thuấn,

Mục dã, Minh điều hữu Vũ Thang.

Khi thất bại ông vẫn giữ khí tiết nên ở trong tù đã có câu

Một chiếc cùm lìm chân có đế,

Ba vòng giây sắt bước thì vương

Nhất là khi ra pháp trường ông còn cứng cỏi ngâm :

Ba hồi trống giục mở cha kiếp,

Một lát gươm đưa bỏ mẹ đời.

Nhưng ôi, hai câu quốc âm sau, theo cụ Phan bội Châu viết trong bài bạt cho quyển "Thi tù tùng thoại" của cụ Huỳnh thúc Kháng thì lại là của cụ Hoàng thái Phiên... Vậy là nghi vấn chưa thể tin chắc được. Còn mấy câu trên chỉ thuộc loại "khẩu khí" của một tay khinh thế ngạo vật, đâu có gì đặc sắc. Vả chăng những lời đó dù có thực, cũng chưa đủ làm bằng chứng để luận tư tưởng được, vì đó chỉ là những câu có tính chất tuyên truyền, tự đề cao. Các vua quan trước đó, và những lũ độc tài, tham bạo thối nát sau, hỏi họ có bao giờ mở miệng mà không khoe mình vì dân vì nước ?

Trở trêu, Cao bá Quát không phải hạng Y Doãn, Chu Công cũng như lãnh tụ của ông. Lê duy Cự không phải hạng người như Vũ, Thang, và vua Tự Đức cũng không đến nỗi như Kiệt Trụ kia mà.

Còn bảo sau khi đi Tân gia Ba về, Cao bá Quát đã có óc cách mạng, thì thực tế xã hội đã cho chúng ta thấy việc thay đổi tư tưởng ở trong một con người phải nói là cả một quá trình liên tục tranh đấu, không phải chuyện dễ dàng quá nhanh chóng và ngẫu nhiên vậy đâu, nhất là những người xuất thân đã có một truyền thống mấy đời về lý thuyết Không Mạnh cùng sinh hoạt phong kiến.

Những kẻ đi hàng trăm lần, sống hàng chục năm, đọc không biết bao nhiêu sách vở nước ngoài, khi về đâu óc cũng tối tăm mờ mịt. Thử hỏi một Cao Bá Quát mới chỉ biết đến Tân gia Ba vài ngày, trước đây đã hơn một thế kỷ ?

Chúng ta đối với cách mạng không thể có một thái độ dễ dãi, hoặc lậm dụng như các ông chánh khách xôi thịt và các ông trí thức phòng trà...

Do đó, theo thiên ý, nếu nói thi sĩ Cao bá Quát, chúng ta chỉ nhận ông là một nhà thơ như nhiều nhà thơ khác cùng thời. Nếu nói chánh trị thì nên trả lại cái địa vị quân sự của nhà lãnh tụ Lê duy Cự là đủ. Còn bàn rậm ấy là tô thêm một sự kiện lịch sử không đáng tô thêm và cần thiết tô vậy.

4.— NHỮNG GIAI THOẠI TRUYỀN TỤNG VỀ CAO BÁ QUÁT.

Theo chỗ nhận xét của tôi Cao bá Quát tuy vậy mà được mấy trào chánh quyền trước cho đề vào chương trình giáo khoa, rồi nay cứ thế nói theo, cứ thế công nhận và cứ thế tán rộng mãi ra, là do lúc đầu người ta thấy ông ở nhà thơ được nhiều người nhắc đến.

Cũng theo thiên ý, Cao bá Quát sở dĩ trước kia được đư luận đếm xia, có lẽ chính yếu không phải chỗ theo Lê duy Cự, mà ở những giai thoại sau đây, rất thích hợp cho những câu chuyện mua vui trong lúc trà dư tửu hậu nhất là đối với đám sĩ phu còn ở cái thời đại tôn Khổng sùng Mạnh.

Tục truyền : lúc nhỏ nghe tin vua Minh Mạng bắc tuần ngự giá đến hồ Tây xem cảnh. Cao bá Quát len lỏi tìm đến cỏi quần xuống tắm. Lính bắt được trói giải đến trước mặt vua. Thấy Cao bá Quát tự xưng học trò, nhà vua nhân nhìn xuống hồ thấy đàn cá cắn nhau, mới tức cảnh ra câu :

Nước trong leo lẻo cá ăn cá.

Quát tức cảnh đối lại .

Trời nắng chang chang người trói người.

Vua Minh Mạng khen tài, thưởng tiền và tha cho khỏi tội.

Một lần, thấy hai con voi bằng gạch ở trước sân đình làng

đồ lý trưởng hưng công đắp xong, sắp làm lễ khánh thành, Quát dán trộm vào một bài thơ châm biếm việc thầy Lý ăn xén cửa cổng :

Khến ai khéo khéo đắp đôi voi.

Đủ cả đầu đuôi đủ cả vôi,

Chỉ có một cái là còn thiếu,

Hãy là thầy Lý sứt đi rồi.

Một lần đi nghe cuộc bình văn tại dinh Đốc học. Nhận thấy quần đốc và cả trường đặc ý, bình đi bình lại câu :

«*Khả thùng hốt nhĩ khả phủng, trí độn hột thành trí mẫu*» ở trong bài phú «*Mã chữ thành châm*» (Mã chày nên kim) nghĩa là «đang giá được bỗng thành may được, đang dốt nát bỗng thành sáng suốt». Cao bá Quát bịt mũi lắc đầu, khạc nhổ ầm 1. Linh hầu cho là vô lễ, bắt vào nộp quan Đốc. Quan Đốc hỏi lý do, Quát đáp :

Vì hai câu thú vị quá mà thấy cứ bình lại mãi. Nghe nói cả trường đều từng hưởng, quần Đốc vắn.

— Thú vị chỗ nào ?

Quát trả lời :

— Một cái chày mài thành cái kim, đầu bỗng chốc xong ngay mà hạ chữ «hốt nhĩ» từ chỗ dốt nát mà trở thành sáng suốt cũng vậy.

Quan Đốc lại hỏi .

— Thế theo anh thì thay bằng chữ gì bây giờ ? Quát đáp ngay :

— Sao không đề chữ «*biến tác*» (biết ra) và «*phiên thành*» (hóa ra) Thế có xuôi hơn và có lý hơn không.

Quan Đốc khen tài hỏi Quát đã học ai, Quát ngạo mạn trả lời :

— Tôi học các ông. Trình ông Chú !

Thấy vậy quan Đốc ra câu :

— *Nhi tiểu sinh hà xứ đắc lai, cảm thuyết trình Trình, Chu sự nghiệp* (mày, tên học trò nhỏ, ở đâu đến đây dám nói sự nghiệp Trình, Chu).

Quát ung dung đối lại :

— *Ngã quân tử kiến cơ nhi tác, dục vi Nghiêu Thuấn quân dân*. (Ta người quân tử biết cơ đến đây, muốn làm cho vua dân trở thành vua dân đời vua Nghiêu Thuấn).

Quan Đốc tuy không hài lòng về cử chỉ và thái độ của Cao nhưng cũng phải thưởng tiền cho về và thăm phục trong bụng.

Một hôm cùng bạn đi dọc đường, đang lúc đói bụng tiền hết, gặp làng nọ có đám ma to, Quát rủ vào điếu đờn kiếm bữa.

Trong đám có nhiều vị khoa mục, nghe Quát xưng là học trò có câu đối phúng, hỏi đâu cho xem, Quát lại trước linh sàng, lễ xong rồi đọc :

— *Xe chín tuổi xích đưa ra, không thân thích ai mà khóc mướn*.

— *Sự trăm năm dừng nghĩ lại, động can tràng nên phải thương vầy*.

Cả đám ai nấy đều phục tài. Thế là Quát và người bạn được bữa no say.

Khi vào làm hành tầu trong Kinh. Điện Cần chính vừa đắp xong quá núi non bộ đề trong bề cạn, vua Tự Đức sai Phương đình Nguyễn văn Siêu làm câu đối. Ông Siêu chưa nghĩ ra, nhân gặp Quát đến chơi, ông Siêu ngỏ ý, Quát viết dùm ngay cho :

Sơn nhược hữu thần hộ Hán tấ,

Hải như sinh thánh thiếp Chu ba,

(Nghĩa là núi nếu có thần thì hồ tuồi thọ như thần núi chúc vua Hán thời xưa, biển như sinh thánh nhân thì hãy lặng sóng như đời Chu thuở nọ).

Năm Tự Đức thứ tư (1851) được tin vua Hàm Phong nhà Thanh mất, vua Tự Đức bảo các đình thần viết câu đối viếng. Đình thần biết Quát chữ tốt mời vào đề viết, Cao bá Quát biết trước khi vào thấy bút mực và vóc đề trên kỷ, ông viết liền :

Át mật bát âm Đường bạc hải,

Bì hào vạn lý Tống thâm sơn.

(Nghĩa là tiếng bát âm im bất khắp biển nhà Đường) (khi Đường thái Tôn mất) tiếng gào muôn dặm khắp núi sâu nhà Tống. (Khi Tống nhân Tôn mất).

Đình thần thấy ông tự nhiên dám viết, ngạc nhiên xúm lại, nhưng ai xem cũng phục tài. Câu đối dâng lên, vua Tự Đức cũng cho là được.

Khi Tùng thiện Vương, Tuy lý Vương cùng các nhân sĩ mở thi xã Tùng Văn, nghe Quát hay chữ mời đến tham dự đưa văn thơ của thi xã cho xem. Xem rồi Quát lấy tay bịt mũi và phê vào tập thơ.

Ngán thay cái mũi vô duyên

Câu thơ Thi xã con thuyền Nghệ an.

Tuy thế, hai ông Tùng, Tuy không giận, lại còn đem Quát giới thiệu với một thân vương khác. Thân vương này mời Quát vào phủ uống rượu. Quát đến với đầu trần và chiếc áo dài trắng. Thân vương ra tận cửa đón. Thế mà rượu say, ông chỉ làm mấy câu thơ đề tạ rồi lặng lẽ lui về :

Hữu khách thỉnh ẩm tửu.

Bất tri khách thị thù ?

Kim tịch thị hà tịch ?

Thiên cao minh nguyệt tri.

! Nghĩa là :

Có khách mời uống rượu

Chẳng biết khách ai đây ?

Đêm nay đêm gì vậy ?

Trời cao trăng sáng hay.

Khi vua Tự Đức sai đại thần Phan văn Nhã dự thảo bản văn Ngọc điệp. Ông Nhã làm xong mời các quan đến uống rượu, đưa bản thảo cho mọi người xem có ý khoe hay. Một viên đại thần khác cũng vốn cậy văn tài nên xem xong, cất giọng :

— Ý các quan thế nào chứ, tôi thấy văn bác Phan làm lủng củng lắm.

Lời qua tiếng lại, rượu vào thành hai bên chủ khách cãi nhau. Viên đại thần nọ nổi nóng nói :

Văn như thế chó làm cũng được !

Thế là thành trận đấm đá nhau, việc đến tay vua Tự Đức, vua cho đòi Cao bá Quát vào hỏi thêm chứng cứ, Quát khai :

Bất tri lý hà?

Bì viết cầu, thư điệp viết cầu

Bì thư giai cầu

Dĩ tương đấu cầu

Thần cụ thần cầu

Nghĩa là :

Chẳng biết tại sao ?

Người này nói chó, người kia cũng nói chó.

Cả hai đều chó.

Thành đánh đấm nhau,

Thần sợ thần chạy.

Cũng thời gian tại Kinh, nhân thấy hai ông Hà tôn Quyền Nguyễn công Trứ được nhà vua tin cần, mà thường tự đắc về văn tài, nên vào một dịp tết Quát đã viết dán hai câu đối, móc xỏ hai ông này ;

Ý cảm thượng quynh, quân tư ô kỳ văn chi trứ;

Bao Tề, Ý Tấn, thánh nhân bất đắc dĩ dụng quynh.

Nghĩa là «Mặc áo gấm phủ áo thưa ngoài, ấy vì người quân tử ghét về sắc sỡ : dung nước Tề, nề nước Tấn, là sự dùng quynh bất đắc dĩ của thánh nhân mà thôi». Nhưng ở khía cạnh khác, người ta cũng dự biết ông ngụ ý nói «quân tử ghét văn chương của tên Trứ, nhà vua phải bất đắc dĩ mới dùng đến tên Quyền.

Khi làm giáo thụ phủ Quốc Oai, Quất bất mãn, dán hai câu đối ở học đường :

Ba gian nhà trống, một thầy, một cô, một chó cái,

Mấy đứa học trò nửa người nửa ngợm, nửa đười ươi.

Quan Tổng đốc tỉnh Nguyễn bá Nghi sức các quan giáo thụ, cứ ngày đầu tháng phải dẫn học trò lên văn miếu bình văn đề mình ngồi chủ tọa.

Quát theo lệnh nhưng chỉ đưa các quynh xoàng ra, còn quynh nào hay đề lại, dẫn học trò lên núi bình riêng. Có người hỏi Quát bảo :

— Bình văn trên núi cho khi nghe, ở dưới đất không a biệt cả.

Việc ấy đến tại Nguyễn bá Nghi, Nghi giận lắm, và cũng đem lòng ghét Cao bá Quát nữa.

Qua những mâu giai thoại trên, chúng ta thấy Cao bá Quát quả là người có tài văn chương và mẫn tiệp. Tuy nhiên ở mặt khác, người ta cũng phải nhận đó là phản ảnh một cách trung thực, cái bản tánh kiêu ngạo của ông, kiêu ngạo đến mức thường khoe với người đời. « Cá thiên hạ chỉ có bốn bờ chữ, riêng ông chiếm hết hai bờ ; anh ông : Cao bá Đạt, và bạn ông ; Nguyễn văn Siêu chiếm một bờ, còn một bờ chia cho tất cả thiên hạ. »

Chính bản tánh ấy đã khiến ông càng ngày càng đi vào con đường cô độc, bất mãn đề tự gặp lấy cái hậu quả không đẹp.

Tiểu thay hữu tài mà vô hạnh !

Ấu đây cũng là gương soi cho những kẻ tự cao tự đại, khinh thế ngạo vật, coi những kẻ xung quanh lúc nào cũng tựa hồ rơm rác.

NHỮNG CHUYỆN SAU ĐÂY CÓ PHẢI CHUYỆN CAO BÁ QUÁT ?

Ngoài những giai thoại đã kể, còn nhiều sách nhất là những sách xuất bản gần đây có ghi thêm một vài chuyện khác :

Có lần Cao bá Quát thấy hai bên cột hoàng cung có câu đối :

Thần khả báo quân ân ;

Từ năng thừa phụ nghiệp.

Nghĩa là « bầy tôi có thể báo ơn vua, con cái có thể nối nghiệp cha. »

Quát phê bình câu đối này rất dở « thượng hạ đảo huyền, luân lý suy vi. » Vì bấy tôi đứng trên vua, con đứng trên cha. Việc đến tai vua, vua đòi vào hỏi, Quát tâu : « Không cần phải sửa chữ nào cả, chỉ đảo lên thành « quân ân thần khả báo, phụ nghiệp tử năng thừa » là không ai còn bắt bẻ gì được.

Lại có lần, vua Tự Đức vừa nghĩ được hai câu vừa Nôm vừa chữ rất kỳ quặc, đem đọc các quan nghe, lại nói thác rằng được thần nhân tặng trong giấc mơ :

Viên trung oanh chuyển khê khả ngữ,

Đã ngoại kỳ hoa lấm tẩm khai

Thấy vậy, ông Quát cũng thác tâu :

— Đây là hai câu trong bài tám câu, hồi đi học thần đã có nghe.

Vua bảo đọc cả bài. Ông cũng bịa luôn ra đọc, và có ý xỏ vua :

Thảo mã tây phong huếch hoác lai

Khuênh khoáng thi tứ tự đề hài

Viên trung oanh chuyển khê khả ngữ

Đã ngoại kỳ hoa lấm tẩm khai.

Xuân nhật bất văn sương lộ độc

Thu thiên đa kiến vũ lòi nhài

Khê khê thi ký đa nhân thức

Khặng khặng tương lai vấn tú tài

Nghe xong, vua Tự Đức lặng thinh không nói, các quan thì ngồi ngây như phỗng. Rồi sau đó ít hôm Quát bị đòi đi giáo thụ Quốc oai.

Song theo cụ Ứng bình Thúc giả Thị, chất của Tuy lý Vương thì bài thơ ấy đã có trong tập bản thảo về thơ từ hồi

trào Minh mạng. Mấy câu đối trên không hề có ở các cung điện lâu đài Huế.

Như thế, có lẽ «tam sao thất bản» của ai kia ấy, và chuyện ai kia ấy, không thể tin rằng của Cao bá Quát được.

VUA TỰ ĐỨC CÓ PHẢI LÀ NGƯỜI ĐÀ KHEN CAO BÁ QUÁT ?

Theo hầu hết các sách giáo khoa, bình sinh Cao bá Quát là một nhà văn trứ danh, khiến vua Tự Đức đã phải có câu khen

Văn như Siêu, Quát vô Tiền Hán

Thi đáo Tùng Tuy thất Thịnh Đường,

Nghĩa là «văn đến như ông Siêu ông Quát đời Tiền Hán cũng thua, thơ đến ông Tùng, ông Tuy đời Thịnh Đường cũng kém.»

Nhưng xét cho cùng câu đó không phải của Tự-Đức mà chính của một người Trung Hoa.

Sở dĩ chúng tôi dám nói như vậy, vì thấy cụ phó bảng Kiều oánh Mậu (người xã Đông sàng, huyện Phúc thọ, tỉnh Sơn tây, đỗ khoa Canh thìn năm Tự Đức thứ 33 dương lịch 1880 một tay viết sử của triều Nguyễn có chép như vậy trong «Bản triều bạn nghịch liệt truyện» cách đây đã hơn 70 năm tức năm Tân Sửu, niên hiệu Thành Thái dương lịch 1901. Những tài liệu trong đó theo tác giả là tra cứu trong hai quyển «Hoàng triều đại điển chính biên», và «Đại nam liệt truyện», hoặc dẫn chứng ở các thi văn tập của các danh gia, hoặc tham khảo các công văn, hoặc hỏi nơi các vị bô lão, kỳ mục chứ không dám dựa theo những sự mình nhớ ra, nghĩ ra để soạn cho thành những tác phẩm. Có thể nói là tập sử gần sự thực hơn hết.

TÁNH KHÍ VÀ VĂN TÀI CAO BÁ QUÁT QUA NGÒI BÚT CỦA CỤ KIỀU OÁNH MẬU.

Đề cập Cao bá Quát, cụ Kiều oánh Mậu có đoạn chép trong
« Bản triều hạn nghịch liệt truyện ».

Quát thường nói thiên hạ chỉ ta có mất, còn hết thầy đều không. Có lần, Cao bá Quát cùng ông Siêu và hai ông Tùng thiện Vương, Tuy lý Vương làm thơ trong ba đêm. Quát xong 30 bài, bài nào cũng được truyền. Nên khi ra về Quát khoe khoang :
« Đêm qua ta đã áp đảo cả Tùng, Tuy rồi ».

Quát vốn được đại nho Nguyễn văn Giai kính trọng. Khi ông Giai cưới cô đào hát ở Bắc Ninh làm lẽ, có nhờ làm ca trù đề hát, Quát hạ bút viết ngay :

Bắc phương hữu giai nhân,

Tuyệt thế nhi độc lập.

Giá đã nên nhất cổ khuynh thành,

Trọng cho tài mà lại tiếc cho mình.

Chen chúc với đời chỉ mãi tá.

Ngã diệc tự tác ngã.

Nhân phi bất thị khả khán nhân,

Vòng thị phi chót đã quá chán

Thôi đã biết chuyện đời là thế thế,

Thôi thấm thoát bóng dẫu vừa xẽ,

Mới ngày nào mái tóc chấm ngang vai.

Của đời ai kèm chi ai.

« Quát mượn bài này tỏ ý mình. Ông Giai khen thưởng buộc làm bài thơ có tánh chất tục nữa. Quát xin rượu thêm, rồi viết :

*Trước đã mắc lo cùng cái vệt,
Sau lại thêm thẹn thùng với con ông.
Sự đâu có sự lạ lùng,
Ô tướng quân cùng Mao động chủ
Sách có chữ «âm dương đảo chú»
Thay hóa công mà rèn đúc lấy nhân tài.
Càng già càng dẻo càng dai.*

Ông Giai thưởng ba ngàn quan tiền. Quát đem đi vào cuộc hát xướng, chỉ vài ngày là hết, đến nửa, ông Giai lại cho hậu, chớ hề thốt ra một lời chán ghét.

«Sau Quát làm giáo thụ Quốc oai, có dán câu đối trước cửa.

*Mô phạm năm ba thăng mặt trắng.
Đỉnh chung một chiếc rưỡi lượng vàng.
Lại khi lên núi Sài sơn có thơ rằng :
Di lại Bắc quách sơn vuu hảo .
Sân khước tây thành nguyệt cánh minh*

(Trường Bắc dời đi non rạng vẻ; thành Tây đầy lại nguyệt càng trong).

Xem đó đủ biết cái khẩu khí con người!..

MỘT CÂU ĐỐI GIẾT NGƯỜI, HAY MỘT VIỆC LÀM ĐẠI BẤT NHÂN CỦA CAO BÁ QUÁT ?

Cũng theo Kiều oánh Mậu :

«Khi Quát đỗ rồi; đến làm gia sư một ông tri huyện hồi hưu, xuất thân tú tài, làm tiên chỉ làng Cứu Cao. huyện Văn Giang.

*Trong làng có tên cai tổng Khản nhà giàu, không phục ông Huyện, thường hay phá ông mỗi khi có việc làng việc ấp, không thể chịu đựng ông Huyện bàn kế với gia sự. Quát lập mẹo, sai một anh học trò nghèo đến xin ăn nhà cai tổng Khản, Khản hạch hỏi văn thơ, anh học trò trả lời thông cả. Nhân thấy nhà Khản mới sửa xong cái cổng anh học trò làm câu đối :

Đặng bình chính trực khan vương đạo,

Cao đại quang minh thị ngã tâm.

Cai tổng Khản đặc ý cho khắc vào cửa.

Tới hôm tế đình, cai tổng Khản theo lệ đem mâm lễ ra tế thần và che bằng tàn vàng. Ông Huyện sai người đi tố giác Khản ông quyền, và dẫn thêm chứng cứ bằng câu đối trên cùng bịa nhiều truyện khác. Kết cục, Cai tổng Khản bị tử hình. Trước khi chết, y dặn vợ con bỏ thật nhiều giấy bút vào áo quan và nói.

— Nay ta không thể gỡ oan được nhưng xuống âm phải làm cho ra lẽ, để kẻ nào bày mưu hại ta phải chịu quả báo này.

Sau đó, nhà cai tổng Khản và nhà ông Huyện đều suy. Quát bị lử nạn, người ta cho rằng đó là quả báo của tên cai tổng xã Cửu cao. Nhưng không tin trọn được thuyết hoang đường ấy.

CAO BÁ QUÁT BỊ TỬ HÌNH HAY TRỐN THOÁT ĐI TU?

Chép về Cao Bá Quát, Cụ Kiều Oánh Mậu cũng có nói Quát bị tổng đốc Sơn tây Nguyễn bá Nghi sai chánh phó lãnh binh tới trừ được đem về chém đầu bêu lên. Song lại thêm thuyết khác nói : * Quát bị giải về Hà-nội, có người thương hại đã tráo một lên tử tù khác giống Quát thay vào. Còn Quát trốn lên Lạng sơn, vào một ngôi chùa tu, sau vài năm mới chết. »

Vậy cuộc đời Cao bá Quát lại thêm một dấu hỏi về cái chết của ông.

Theo thiên ý, thuyết này không đúng, vì triều đình đã cố tâm giết Quát, tổng đốc Sơn Tây là Nguyễn bá Nghi cố tâm giết Quát. Và lại án Quát được thi hành rất mau cùng luôn với hai con như trên đã nói. Quát không thể thoát cái lưới nghiêm mật của quan quân triều đình. Người đưa thuyết ấy, hẳn là do dư đảng của Lê duy Tự và của Quát chỉ nhằm mục đích gây lại cuộc nổi loạn, ngoài ra không gì bằng chứng để khả dĩ tin được.

MỘT BÀI THƠ CUỐI CÙNG CỦA CAO BÁ QUÁT

Nay nhân nói về Cao bá Quát, tưởng chúng ta cũng nên biết đến một bài thơ cuối cùng của ông, đồng thời cũng là bài ít ai biết đến. Ấy là bài : «Trương Lương tố đa bệnh» gồm tám câu dưới đây :

*Ngũ triều thực nhục tích như ba,
Thù nhĩ Trương Lương bệnh tố đa.
Ngoại cảm Hán thiên tân vũ lộ,
Nội thương Hàn địa cự sơn hà.
Vũ cừ mục nhiệt Hồng câu thổ
Cần oán tâm hàn bác lãng sa
Thử bệnh hạnh tông tiện tử được
Ta vô tiết khản Tín như Hòa*

Xin tạm dịch là :

*Bổng cao lộc hậu trải năm triều,
Ai rõ Trương Lương vốn bệnh nhiều.
Ngoại cảm móc mưa trời Hàn thấm ;
Nội thương sông núi đất Hàn tiêu.*

Tìm hàn bác lãng thà Tào dứ.

Mắt nóng Hồng câu oán Hạng liêu.

Bệnh ấy thuốc tiên may chữa được.

Tiểu không xén miệng lữ Hàn, Tiêu.

Theo các cụ văn thân trước, sở dĩ có bài ấy là khi bị giam ở Sơn Tây, mỗi lần quan Án đòi lên lấy cung, Quát lật cáo bệnh, quan Án hỏi:

— Bệnh gì mà bệnh như Trương Lương ấy, hãy làm bài thơ « Trương-Lương tố đa bệnh » được không ?

Quát nói được, và xin giấy mực viết ngay tại chỗ. Bài thơ này giá trị là chỗ có những tên bệnh trong đó, nên quan Án cũng phải phục tài.

Tuy nhiên, quan vẫn không thề tha được hay làm giảm nhẹ đi được cái án « làm giặc » của thi sĩ họ Cao,

Nhắc lại, nghĩ cũng tiếc thay cho cuộc đời của một thi nhân có tài và có học lực vậy.

THÁI-BẠCH

ĐÓN ĐỌC CHỦ ĐỀ VĂN HỌC :

VỤ ÁN PHẠM QUỲNH KẾT THÚC

● Do Giáo sư NGUYỄN VĂN TRUNG biên soạn, công phu để trả lời bài *Trường hợp Phạm Quỳnh* của G. s Thanh Lăng đăng trong Văn Học số 157.

NGUYỄN ANH

Cao Bá Quát, kẻ bất đắc chí, con người nổi loạn hay nhà cách mạng ?

Cao bá Quát, con người nổi loạn, cuồng sĩ, nhà cách mạng hay chỉ là kẻ bất đắc chí ? Cao bá Quát là nạn nhân của hoàn cảnh, của một chế độ bất công hay là nạn nhân của chính mình ?

Cao bá Quát là một hiện tượng đặc thù trong lịch sử văn chương Việt Nam, trường hợp Cao bá Quát liên quan đến những tra hỏi thắc mắc của con người về số phận.

Cao bá Quát, con người đa cảm, khuôn mặt buồn xa vắng, tiếng thở dài khắc khoải, dễ xúc động, đây là triệu chứng của một tâm tình đa cảm, thường nhìn đời qua lăng kính âm đạm, dễ bị hoàn cảnh chi phối. Sống trong cảnh nghèo, Cao bá Quát không có cái nhìn thi vị thực tại để tìm quên đời như Nguyễn công Trứ, thi nhân thường đắm chìm trong những nỗi buồn lẻ thê :

Vườn xưa thù quạnh ta buồn lụi,

Quạ rợn chiều sa vợ lệ rơi.

Cao bá Quát, nhà thơ trữ tình, qua những bài thơ còn lưu lại, hoặc bằng chữ Hán, hoặc bằng chữ Nôm, chúng ta khó tìm gặp được những hồn thơ hùng tráng, ngay cả bài « Cuộc Phong Trần », thi nhân muốn trình bày một niềm tin về số phận, nhưng vẫn thiếu hẳn tứ thơ tha thiết, nhìn chung, lời thơ buồn chán, ý thơ rời rạc :

Có bao lắm ba vạn sáu ngàn ngày,

Như thổi đũa, như sóng sồ, như gan tay.

Cao bá Quát còn hàm chứa yếu tính tự tôn và khinh thế :
Trong thiên hạ có bốn bờ chữ, riêng ta hai bờ, anh ta là Bá Đạt, và bạn ta là Nguyễn văn Siêu một bờ, còn một bờ ném cho thiên hạ.

Cao bá Quát với đặc chất cuồng sĩ, ông là một kẻ có tài, điều đó đã được vua Tự Đức xác nhận :

Văn như Siêu Quát vô tiền Hán

Thi đáo Tùng Tuy thất thịnh Đường.

Với cái tài ấy, với tham vọng tìm kiếm những chiều hướng lý-tưởng, tuyệt đối trong cuộc đời vốn tương đối và đầy xấu xa đối trá, tức nhiên hoàn cảnh là một đối lực bất khả dung những người như Cao bá Quát, cho nên cuồng tính là một lối thoát duy nhất để Cao có thể tạo dựng cho mình một tiểu vũ trụ siêu đẳng giữa những tiểu vũ trụ tầm thường, bằng cách phỉ báng nhà vua :

Khà khà thi tứ đa nhân thức.

Khệnh khệnh tương lai văn tú tại.

mĩa mai khả năng văn chương của triều đình mà tiêu biểu là nhóm *«Mặc Văn Thi Xã»*

Ngán thay cái mũi vô duyên

Câu thơ Thi xã con thuyền Nghệ an.

Cao bá Quát là nhà cách mạng hay con người nổi loạn? Trong cuồng tính đã có bản nguyên nổi loạn, tuy thế cuồng tính của Cao bá Quát không thể là nhân tố sâu xa của nổi loạn, bởi lẽ hành động nổi loạn của họ Cao đã phát xuất từ ý thức toàn bích về cuộc đời, về hoàn cảnh xã hội, về số phận tù đày của kiếp người nổi loạn là gì ? Nếu không phải là cách thế phá tung khỏi

số phận của không và thời gian của hoàn cảnh, nổi loạn là cách thế tìm lại cho mình giá trị đã mất, đề biểu trưng bản chất bất khuất của dòng sống, nổi loạn để hiện hữu, để khẳng định sự kiện có mặt của mình trong cuộc đời, cho đến ngày hôm nay, các nhà văn học sử vẫn chưa xác nhận nổi chính biến ở Mỹ Lương năm 1854 là một cuộc nổi loạn này. Là một cuộc cách mạng ? Và có thể kết luận Lê duy Cự Cao bá Quát là những nhà cách mạng hay không ?

Theo truyền thống nổi loạn và cách mạng, thế giới nếu nổi loạn thành công, những người nổi loạn được suy tôn thành nhà cách mạng, và thất bại, họ là những kẻ phản loạn phá rối an ninh trật tự xã hội, hay phản quốc dưới nhãn quan của chính quyền, cho nên chúng ta không thể căn cứ vào quan niệm hay suy luận giả tưởng để xác giá một cuộc vùng vẫy hàm chứa căn bản cách mạng hay chỉ là một cuộc nổi loạn thuần túy. Có thể nổi loạn vì bất mãn, vì quyền lợi cá nhân hay tập thể, nhưng được lồng dưới chiêu bài cách mạng để dễ dàng lôi kéo quần chúng, vì thế chúng ta phải căn cứ vào sự kiện để định vị và xác giá biến cố.

Tháng 10 năm 1854 : Cao bá Quát theo Lê duy Cự; được phong làm quốc sư, nổi dậy ở Mỹ Lương, tỉnh Sơn Tây, với chiêu bài : tiêu diệt nhà Nguyễn, khôi phục nhà Lê cờ tiến quân đề hai dòng chữ :

Bình Dương Bỏ Bán Vô Nghiêu Thuấn

Mục Dã, Minh Điều hữu Võ Thang.

Chúng ta đồng ý triều đại Tự Đức : xã hội loạn lạc, chế độ bất công, dân chúng khốn khổ...; nhưng giả thử họ Cao đồ Hội và Đình, không bị đẩy lên làm giáo thụ ở Quốc Oai, chắc hẳn không bao giờ có chuyện họ Cao làm quốc sư cho Lê duy Cự.

đành rằng Cao bá Quát có thể ngông nghênh, ngạo mạn, đã kích quan lại, nhưng có lẽ không manh nha ý nghĩ thanh toán chế độ, như thể chính bản chất ngang tàng, và môi trường Quốc Oai là nguyên nhân tối cận thúc đẩy họ Cao theo Lê duy Cự.

Nếu cuộc nổi dậy của Lê duy Cự thành công, một triều đại nhà Lê thứ ba được thiết lập, chắc hẳn vẫn theo chế độ quân chủ chuyên chế, Lê duy Cự sẽ làm vua, và Cao Bá Quát được phong làm đệ nhất khải quốc công thần; binh mới rệu rã vẫn cũ, xã hội không có gì thay đổi, vì Lê duy Cự đã không vạch một chương trình cải tiến xã-hội, ông Phạm văn Sơn đã nhận định về cuộc nổi dậy ở Mỹ Lương :

‘Vụ Cao Bá Quát không thể gọi là một đám giặc tầm thường vì là một đảng cách mạng có chủ trương lật đổ chính quyền của nhà Nguyễn, bởi nó không cướp của giết người như những vụ loạn khác’ (Việt Sử Toàn Thư, trang 620)

Chúng ta đồng ý với sử gia họ Phạm *‘không thể gọi là một đám giặc tầm thường’*, nhưng không thể căn cứ vào chủ trương lật đổ chính quyền, không cướp của giết người, để kết luận đây là một đảng cách mạng ; Lê duy Cự đã khôn khéo núp dưới bóng nhà Lê để lôi kéo quần chúng, **KIỀU NHÂN DANH** (trong lịch sử Việt Nam thiếu gì, Trịnh nhân danh phù^Y Lê diệt Mạc, sau khi diệt xong Mạc, họ Trịnh đã cướp quyền nhà Lê, và quân Tàu đã bao nhiêu lần Phù đề xâm lăng nước ta...

Một số nhà văn học sử và làm gắng văn, như Lam Giang, qua cuốn *‘Gảng Luận về Cao Bá Quát’*, Doãn Quốc Sĩ và Việt Từ qua cuốn *‘Khảo Luận về Cao Bá Quát’* đã so sánh cuộc nổi dậy ở Mỹ Lương với hai cuộc cách mạng của Thành Thang lật đổ vua Kiệt, Vũ Vương tiêu diệt vua Trụ, căn cứ vào hai câu thơ :

Bình Vương Bờ Bờ Bản vô Nghiêu Thuấn

Mục Dã, Minh Điều hữu Võ Thang.

Chiếc áo cà sa không làm nên nhà sư, huống gì chỉ căn vào hai câu thơ của Cao Bá Quát để đi đến quyết đoán Lê Cự làm cách mạng ! Chúng ta đồng ý Cao Bá Quát là kẻ tài, có tinh thần cấp tiến :

Không đi khắp bốn phương trời

Vùi đầu án sách uống đời ! trai

con người có những quan-niệm ... trước thời đại mình :

Giết mình khi ở xó nhà

Văn-chương chữ nghĩa kìa là trò chơi

Nhưng căn cứ vào đâu để Cao Bá Quát cho rằng cuộc biến loạn ở Mỹ năm 1854 là cuộc cách mạng theo đường hướng Thang ? Cao Bá Quát có tinh thần Thang Võ, nhưng vua Tự Đức cầm quyền độc ác, dân loạn như Kiệt, Trụ, Cao Bá Quát phò Lê duy Cự với ngọn cờ khôi phục nhà Lê ; thật ra dân Việt-Nam từ lâu đã chán ngấy những vua Lê cuối cùng, như Lê Hiến Tông, bù nhìn, biến thành bung xung cho chúa nhà hà hiếp là dân, tư cách Lê Chiêu Thống, đem quân Thanh vây mờ mắt ông cha, dĩ nhiên những vị vua như Lê Thái Tổ, Lê Thánh Tông..., mãi mãi là thần tượng của dân tộc, nhưng Lê Chiêu Thống, qua Tây Sơn và Nguyễn-Ánh, nhà Lê chỉ là viễn ảnh vàng son, vang bóng một thời ; Ông Lam Giang lý-luận :

**Tinh tú vẫn châu ngồi bắc đẩu, chúa Nguyễn vẫn tôn phù, trọng nhà Lê. Thế mà sau khi bình định bắc hà. nhà Lê vẫn ở ngôi vì vua Gia Long đã bội Tín. Đáng lý ra nhà Nguyễn đem đất Bắc trả lại cho nhà Lê.*

Họ đã cướp đất không chịu trả thì Đại Lê Hoàng Tôn phải binh đòi lại chứ sao » (Giảng Luận Về Cao Bá Quát, trang 22)

Đúng là lối lập luận cả vú lấp miệng em, diếc không sún; chúng tôi xin hỏi ông Lam Giang, ai cướp đất nhà Lê Chính vua Lê chiêu Thống đã tự làm cho dòng họ mình mất đất. Tại sao lại gọi vua Gia Long bội tín khi Nguyễn Ánh không dùng chiêu bài Phù Lê chống Tây Sơn để chiêu mộ binh lính và thu phục nhân tâm. Chỉ vì muốn cho Lê duy Cự, Cao Bá Quát trở thành những nhà cách mạng Thang, Võ. Ông Lam Giang đã biện luận một cách mơ hồ và vụng về, tại sao vua Gia Long phải trả đất Bắc cho nhà Lê? Mình đã bắt lực, không giữ vững đất nước, để rơi vào tay người khác lại đi cầu cạnh ngoại bang, một triều đại, một dòng họ như vậy, có còn tư thế để tự vì thiên hạ hay không? Và nếu Lê duy Cự khởi loạn đúng theo chủ đích của ông Lam Giang, Cự chỉ là con người treo đầu heo bán thịt chó, lợi dụng danh nghĩa một cách vô lý, Cự chỉ là một con người hành động theo quyền lợi cá nhân, còn nặng đầu óc bảo thủ, quân chủ chuyên chế, nô lệ phong kiến, không thể có tư thế của một nhà cách mạng.

Ông Doãn quốc Sĩ—Việt Từ cũng lập luận giống lập luận của ông Lam Giang:

* 1— *Nhà Nguyễn đánh dẹp Tây Sơn mà không trung hưng nhà Lê là không chính đáng.*

2— *Nhà Nguyễn không có công cứu dân cứu nước khỏi xâm lăng.*

(Khảo-Luận về Cao bát Quát, trang 8)

Chúng tôi xin hỏi ông Doãn quốc Sĩ và Việt Từ, trung hưng nhà Lê để giữ lại những ông vua Lê chiêu Thống, có nghĩa trung hưng hay không? Suốt mấy ngàn năm, dân tộc Việt-Nam không tiến bộ được cũng vì những quan niệm như trên.

— Nhà Nguyễn không có công cứu dân cứu nước khỏi xâm lăng, nhưng hậu duệ của nhà Lê như Lê chiêu Thống

...bạn xâm lược về dày mỡ mã ông cha hay không? Nếu không tài năng của Quang Trung Đại Đế, liệu chúng ta có thoát khỏi cuộc đô hộ lần thứ sáu của đế quốc Tàu hay không?

Bằng những luận cứ vừa trình bày, biến cố Mỹ Lương năm 1854 không thể gọi là một cuộc cách mạng, bởi lẽ cách mạng là gì?

— THEO QUAN NIỆM ĐÔNG PHƯƠNG :

Cổ nhân thường gọi cuộc nổi dậy của Thang, Võ nhằm diệt Kiệt Trụ là cuộc cách mạng mấu chốt của Đông Phương :

« Thang, Võ thuận hồ thiên nhi ứng hồ nhân » (Thang, Võ thuận ý trời và hợp ý người mà làm cách mạng).

Như vậy nguyên tố cách mạng theo nhãn giới Đông Phương :

— x/ Vua dâm ô, trụy lạc, bạo ngược, không xứng đáng.

— x/ Không hợp lòng dân.

— THEO QUAN NIỆM TÂY PHƯƠNG :

Cách mạng là hậu quả của một trạng thái bệnh lý xã hội man niêm như rotsky qua tác phẩm « Ma Vie »

« La révolution est l'inspiration de l'histoire » (tr.100) nói thế khác, cách mạng là một sự thay đổi lớn nền tảng xã hội hàm chứa những bất công, thối nát, suy đồi và xây dựng những cơ cấu hoạt mới nhằm đáp ứng khát vọng bình đẳng, tự do, hạnh phúc của đa số quần chúng.

Để có đầy đủ yếu tố luận bàn, chúng ta hãy thử kiểm chứng tiểu sử Cao bá Quát và hoàn cảnh mà ông đang sống :

— 1831 : Đỗ Á nguyên trường thi Hà-Nội, thi hội mãi không đỗ, ông sống một cuộc đời : giang hồ lãng tử.

— 1841 : Nhờ sự tiến cử của quan đầu tỉnh Bắc Ninh, ông được triệu vào kinh sung chức hành tẩu bộ lễ.

— 1843 : Được cử làm sơ khảo trường thi Thừa Thiên, ông đã dùng khó khăn để sửa 24 quyển văn, việc bị bại lộ ông bị đày vào Đà Nẵng. Cũng năm này, ông đã theo phái bộ Đào tri Phú đi sứ Tân gia Ba để chuộc tội, trở về, được phục chức cũ, sau đó được thăng chủ sự.

— 1854 (Tự Đức thứ 7) : Ông bị đày lên Sơn Tây, làm giáo thụ ở phủ Quốc Oai.

Cao bá Quát đã trải qua bốn triều đại :

— Gia Long (1802-1820) : Tương đối yên ổn.

— Minh Mệnh (1820-1840) : Cai trị khắc khe.

— Thiệu Trị (1841--1847) : Không có gì thay đổi.

— Tự Đức (1847-1883) : Trong những năm Cao bá Quát còn sống, nhiều đám giặc nổi lên, người cầm đầu thường tự xưng là con cháu nhà Lê, nhưng trong bốn nhà vua, Tự Đức là ông vua tương đối khá nhất : có tư cách, chăm lo trị nước, rất có hiếu với mẹ, có tài văn chương.

Căn cứ vào hoàn cảnh lịch-sử, chỉ biết 1854 không thể gọi là một cuộc cách mạng theo quan niệm đông phương, đánh rằng xã-hội loạn lạc thật, nhưng vua Tự Đức không phải là một ông vua bất xứng, và theo quan niệm tây phương, chính biến do Lê duy Cự tạo nên cũng không thể gọi là một cuộc cách mạng, bởi lẽ không có một bằng chứng nào để xác nhận Lê duy Cự đã có chương trình cải tiến dân sinh.

Cái bệnh ấu trĩ của số một nhà nghiên cứu văn học, trình bày một tác-giả, bao giờ họ cũng tìm cách tán dương, chứ không chịu trình bày sự thật, muốn cho Cao bá Quát trở thành nhà cách mạng, họ đã cố tâm phát họa Lê duy Cự thành một nhà cách mạng, đã đến lúc chúng ta cần tách hai tư tưởng Cao bá

Quát và cuộc biến loạn 1854, bởi lẽ việc tham gia biến loạn chỉ là hậu quả của tư tưởng và biến động tâm trạng đặc thù của Cao bá Quát, từ đó chúng ta mới xác nhận được. Cao bá Quát là một nhà cách mạng, một kẻ có tư tưởng cách mạng hay chỉ là một con người nổi loạn ?

Với số thi văn còn để lại, chúng ta có thể hiểu được hoài bão anh hùng và dự phóng hào kiệt của Cao bá Quát :

«Đề ta gánh vác giang sơn, quyết ném thanh khâm sang cầm tù»

Một con người có cái nhìn tiến bộ, thấy rõ khuyết điểm của tinh thần bảo thủ, óc từ chương :

Nhai văn nhá chữ buồn ta

Con giun còn biết đầu là con sâu...

Giết mình khi ở xó nhà

Văn-chương chữ nghĩa khéo là trò chơi

Không đi khắp bốn phương trời

Vùi đầu áng sách ừng đời làm trai.

Ngay từ ấu thời, Cao bá Quát đã biểu tỏ ý muốn làm thế nào cho quân dân lúc bấy giờ mang tinh thần quân dân đời Nghiêu, Thuấn :

Ngã quân tử kiến cơ nhi tác

Dục vi Nghiêu Thuấn quân dân.

Không chấp nhận chế độ luân cú, mua quan bán tước một cách vô liêm sỉ :

« Ngán nhẽ kẻ tham bề khóa lợi, mũ cánh chuồn đội trên mái tóc, Nghiền mình đứng chực cửa hầu môn.

*Quần bao kẻ mang cái gièm danh, áo giới lân trùm dưới
cơ phư, mỗi gối quỳ mòn sân tướng phủ ».*

Như thế, Cao bá Quát chỉ là con người có tư tưởng cách mạng (hiều theo nghĩa : nhìn xa thấy rộng, phản tỉnh về thực tại phong kiến, quan liêu, quân chủ, chuyên chế, bảo thủ, cố chấp), lại sống trong một xã hội quá già nua, bệnh hoạn, có tài nhưng không được chế độ trọng dụng, với bản tính kiêu ngạo, tự cao tự đại, Cao bá Quát trở thành kẻ bất đắc chí, đến năm 1854, khi bị vua Tự Đức đày lên làm giáo thụ ở Quốc Oai (Sơn Tây), Cao Bá Quát ở vào thế của kẻ cùng đường, tức nước vỡ bờ, chính biến tháng 10 năm 1854 là cơ hội ngàn năm một thuở để cho Cao Bá Quát có dịp bộc phát tâm thức bất đắc chí, căm phẫn của mình trước sau, Cao bá Quát chỉ là một con người **NỖI LOẠN** để tự tìm cho mình một lối thoát để xây dựng cho mình thứ tự do trọn vẹn vốn không có trong triều đại Tự Đức.

— *Bản chất nổi loạn* : Hàm chứa tinh thần bất khuất, nuô chí vá trời lấp biển.

— *Ý hướng nổi loạn* : Khinh vua, ngạo quan lại, chê xã hội

— *Nổi loạn bùng vỡ* : Làm quốc sư cho Lê duy Cự.

Tiến trình nổi loạn của Cao bá Quát mạnh nhen từ bản chất nổi loạn, tiến đến ý hướng nổi loạn, và bùng ở đỉnh cao nhất của tiến trình : nổi loạn bùng nổ.

Mưu đồ bất thành, bị giam hãm, kèm kẹp trong gông cùm, Cao bá Quát vẫn bộc lộ tâm thức nổi loạn :

Một chiếc cùm lim chân có để

Ba vòng xích sắt bước thì vương

Trước giờ bị hành quyết, giữa pháp trường, thần chết chuẩn bị mang con người mà số kiếp dính liền với kiếp phù trầm về

CAO BÁ QUÁT KÈ BẤT ĐẮC CHÍ...

41

đất lạnh, họ Cao vẫn bộc phát tinh thần nổi loạn, nghĩa là Cao bá Quát đã trung thành với ý thức nổi loạn cho đến giờ phút sau cùng của một đời người :

Ba hồi trống giục mờ cha kiếp,

Một lát gương đưa bỏ mẹ đời.

Thế là xong một kiếp nhân sinh, ngang tàng ngạo mạn khinh thế, nhưng luôn luôn biểu hiệu giá trị làm người bằng tâm tưởng tự do, bằng ý thức nổi loạn.

Lịch sử thế giới thường xuyên xuất hiện những cuộc nổi loạn, nếu thành công, nổi loạn sẽ biến thành cách mạng, nhưng trong lòng cách mạng đã có mầm mống phản cách mạng, như thế đừng bao giờ mang cho nổi loạn vòng hoa cách mạng, thường xuyên nổi loạn và chịu nhận mọi hậu quả để tác tạo cho mình những căn bản tự do tuyệt đối, để bắc nhịp cầu giao cảm với tha nhân, quan niệm như Albert Camus qua tác phẩm « *L'homme révolté* » :

« Dans la ré volte, l'homme se dépasse en autrui et de ce point de vue, la solidarité humaine est métaphysique ».

Cao bá Quát biểu trưng cho mẫu người nổi loạn, trung thành với bản chất nổi loạn để mãi mãi nói lên tiếng nói bất khuất với hoàn cảnh và số phận làm người !

Nha Trang, ngày 30 tháng 3 năm 1972

NGUYỄN - ANH

TU'ONG - HUYỀN

Cao Bá Quát, kẻ phá đám trước cuộc đời

Có hai nguồn dư luận về cuộc nổi loạn của Cao bá Quát :

1.—Có người cho ông là kẻ bất mãn công danh. Mọi chân đuổi theo một chút hư danh không bao giờ bắt được, ông phần chí đi theo Lê duy Cự, cuộc nổi loạn của Cao Bá Quát chỉ là cái thế cuối cùng của Cao bá Quát thực niệm giấc mơ công hầu mà dù đã trả giá bằng tài hoa của ông, triều đình nhà Nguyễn vẫn mãi từ chối. (

Lối giải thích này không hợp với một bản tính khinh bạc đến cùng cực như Cao bá Quát. Ngay trong văn chương của ông, trong Tài Tử Đa Cùng Phú, trong Hoành Sơn Vọng Hải Ca, người ta thấy hiện hiện rõ rệt tư tưởng khinh miệt công danh, coi công danh phú quý hay tất cả những của cải khác ở đời này là bèo bọt phù du. Dĩ nhiên khi còn trẻ Cao bá Quát cũng như Nguyễn Công Trứ, cũng như tất cả những nho sĩ khác, đều đã chọn sự thi đỗ làm quan để mở đầu sự nghiệp nhập thế của mình, nhưng ở Cao Bá Quát, khuynh hướng nhập thế không có tính cách quyết liệt như ở Nguyễn Công Trứ, và công danh cũng không quyến rũ, không thiết tha đến độ xô đẩy Cao bá Quát vào con đường nổi loạn.

2.—Nguồn dư luận thứ hai cho rằng Cao bá Quát là một chiến sĩ cách mạng. Một người đang làm quan bỗng nhiên từ bỏ chức tước mang quân chống lại triều đình, bị bắt giết, được mệnh danh là cách mạng, lối giải thích này thực là dễ hiểu. Nhưng

xét lại tư tưởng Cao bá Quát và một ít lai lịch còn lại trong các giai thoại về đời ông, chúng ta thấy Cao bá Quát chính là một mẫu người hư vô, không thích tự đặt cho mình những vấn đề xã hội, chính trị để tìm cách giải quyết. Bản chất Cao bá Quát là cá nhân, nổi bật hẳn của ông cũng có tính cách cá nhân, phát xuất từ bản ngã ông và cũng qui hướng về đó, chứ không phải bắt nguồn từ những bất công trong xã hội để có thể đưa Cao bá Quát vào con đường cách mạng.

Vậy phải hiểu thế nào về sự nổi loạn của Cao bá Quát ?

Sinh ra dưới ngôi sao của một thiên tài, ngay từ đầu đã dùng thiên tài của mình để khinh miệt vua chúa, phỉ báng cuộc đời, cuối cùng nổi loạn để nhận lấy một cái chết thê thảm, tâm hồn Cao bá Quát như vẫn còn ôm ấp một cái gì u ám, không nói ra được với thời đại ông, và cũng chưa kịp giải bày với hậu thế. Hơn một trăm năm sau cái chết của ông, bây giờ chúng ta vẫn chưa hiểu nổi ông muốn vươn đến một cái gì trong đời, nổi thù hận nào đã nung nấu niềm kêu hãnh của ông đến độ vỡ tung ra thành một trái núi lửa, sự bất mãn nào đã khiến một nho sĩ như ông trở thành một tướng giặc ? ? ?

Càng giải thích chúng ta có cảm tưởng càng làm Cao bá Quát xa chúng ta hơn, càng làm tâm trạng của ông bí mật hơn, và càng khiến Cao bá Quát cô đơn hơn trong cái chết của ông. Cao Bá Quát là một trường hợp hợp khó hiểu nhất của văn học Việt Nam.



« Ngã diệc tri phi ninh tác ngã ».

Lời nói đó của Cao bá Quát có thể phát biểu lập trường của ông trong cuộc đời. Đó là lập trường của một người nhưt

định trung thành với chính mình. Trước sự hăm hỉnh của các quan trường, trước sự ganh tị của bọn quan lại triều đình, trước thái độ cầu chấp hẹp lượng của nhà vua, trước đòi hỏi eo xèo của cơm áo, Cao bá Quát đã quyết định tự chọn chính mình, chọn tự do của ông, dù cái tự do đó thực là phù phiếm vô ích. Sự lựa chọn đó dĩ nhiên đầy đau đớn, thực ra, có sự lựa chọn nào lại không mang ít nhiều đau đớn nhưng cũng thực anh hùng vì Cao-Bá-Quát sẽ phải trả giá bằng cái chết của chính mình. Chính vì thế, không có một sức ly-tâm nào có thể đưa sự lựa chọn đó ra bên ngoài bản ngã của ông nghĩa là về phía xã hội hay về phía một hạnh phúc vật chất nào đó ở đời, như khi người ta bảo ông bạo động vì một lý tưởng cách mạng hay vì bất mãn công danh. Cuộc nổi loạn của Cao-bá-Quát rốt cuộc qui về bản ngã của ông ennhin tác ngã. Chính theo chiều hướng tâm đó, chúng ta sẽ phân tích thái độ bạo động của Cao-Bá-Quát.



Cao-Bá-Quát mang sẵn trong tâm hồn ông đầy đủ đủ bản chất của một người tài tử, rất nhiều tài hoa, một tâm hồn sâu cảm lãng mạn, và luôn luôn hướng về một lý tưởng thanh quý.

Bản chất đa cảm của Cao-Bá-Quát biểu lộ trong từng mối liên hệ nhỏ nhất hàng ngày của ông. Đi ngoài đường, gặp đám ma, ông chợt bùi ngùi xót xa khi nghĩ lại số phận chung của tất cả mọi đời người, thương cảm cho người chết và cho cả chính mình cũng đang ràng buộc với cái chết, buồn rầu vì tính cách phù du, vắn vỏi của đời sống :

— « Thấy xe thiên cổ xích đưa ra, không thân thích lễ đầu khóc mướn.

Tương sự bách niên đừng nghĩ lại, nào can tràng nên phải thương vay.

Đi đường gặp người đời, Cao bá Quát tỏ ra xúc động và bình dung liêu tụy của người nghèo, hối hận mời mọc bằng những lời lẽ thật chân tình.

«Ôi thôi bác ngưng lệ

Cùng ta dùng bữa chơi

Trăm năm trong quán trọ

Ung dung nào mấy ai».

Đối với vợ con Cao bá Quát vẫn nghĩ đến trong những ngày lang du của ông, bằng một thứ tình cảm thực bình dị mà tha thiết nồng hậu :

Vườn xưa thu quạnh, ta buồn lụi

Quạ rợn chiều sa, vợ lệ rơi.

Chính ở đây ta mới thấy tâm hồn đa cảm của Cao bá Quát. Cuộc đời lạc phách giang hồ, bước đường sương gió vẫn không làm phai nhạt trong tâm hồn người du tử chút tình nhà, khi ông nghĩ đến cảnh đời túng thiếu eo xèo của vợ con giờ này, có lẽ đang ngồi khóc trong buổi chiều thê lương ở làng quê. Tâm hồn đa cảm đó chắc hẳn là bản chất di truyền của giòng họ Cao, nên khi bị bắt Cao là nha đã bồi hồi xót thương thê nhi, cô hoa, đèn sách.

Bản chất sâu cảm của Cao Bá Quát biểu hiện rõ rệt nhất trong tình yêu với giai nhân. Mang cốt cách của một người hào hoa, nổi đam mê, của những người tài tử còn truyền lại trong mạch máu, chúng ta chưa quên tâm hồn say đắm của Phạm-Thái, Cao bá Quát nghĩ đến, nói đến giai nhân bằng những lời tha-thiết tình tự, bằng thứ ngôn ngữ cao sang nhưt của tình yêu.

« Uầy kia ai như mây tuôn, nước chảy, như gió mát như trăng thanh:

« Lơ lửng khéo trên người chỉ mãi mãi »

Hay :

*Trót yêu hoa nên đan díu với tình
Mái tây hiên nguyệt gác chênh chênh
Rầu rĩ lắm, xuân về oanh nhớ.*

Chính vì mang một trái tim nhiệt thành như thế, Cao bá Quát là một người dễ xúc động, dễ đau khổ, dễ thất vọng trước những ngang trái của đời. Vì thế, có thể nói, chính cái nhiệt tình của Cao bá Quát là một yếu tố ngăn trở, khiến cho ông khó sống ở đời.

Cùng với lòng nhiệt thành, một yếu tố khác, cũng nội tại trong tâm hồn Cao bá Quát, càng làm cho ông khó hòa mình vào những hèn mọn của thế tục. Đó là một phẩm cách cực kỳ thanh quý luôn luôn tự nâng niu mình, không nỡ để bước chân thô bạo của cuộc đời dẫm lên tâm hồn. Điều đó biểu lộ rõ rệt qua ngôn ngữ Cao-bá-Quát. Thực vậy, thơ của Cao bá Quát là một thứ ngôn ngữ quý phái nhất của văn học Việt Nam. Khác với Nguyễn công Trứ, ông nói đến giai nhân bằng một giọng thực trang trọng, thực thanh nhã, tình yêu với Cao bá Quát là nhớ nhung thăm thẳm, là cơn sốt của những thần tiên, tương tư nhau, chứ không phải là một tiệc hoa mĩm mĩm, liễu biếc đạo hèn mồi mọc như với Trương-Công-Uy-Viễn. Ngay khi nói đến nỗi nghèo, Cao bá Quát vẫn giữ gìn ý tứ. Giọng tuy buồn bã ray rứt nhưng vẫn kín đáo trang trọng, hình như không muốn để cho đời nhìn thấy nỗi tủi nhục của mình :

Gió trăng rơi rụng dề cái quyền gầy.

Sương tuyết hắt hiu làm con nhạn ỷ võ.

Chính ở đây ta thấy sự khác biệt sâu xa giữa hai nền đạo đức của Hàn Nho Phong Vị Phú và Tài Tử Đa Củng Phú trong cơn nghèo, Nguyễn công Trứ không ngần ngại biểu lộ nỗi khao khát nhục tể về giàu sang, sự phú quý vẫn có một sức mạnh nào đó

Có thể dễ dàng tâm hồn Nguyễn công Trứ đứng nán, đề găng vượt ra khỏi những ngày khốn khổ tù nhục:

Khó ai bằng Mãi thần Mông chính, cũng có khi ngựa cỡi dù che...

Cao bá Quát ngược lại, tỏ ý khinh miệt ngay từ đầu những danh lợi thấp hèn, khinh miệt con đường ngăn nhút mà thế nhân vẫn đi trên đó đề tìm đến công hầu:

Ngán nhẽ kẻ tham bề khóa lợi, mũi cánh chuồn đội trên mái tóc, nghiêng mình đứng chực cửa hầu môn.

Quần bao hể mang cái gièm danh, áo giới lên trùm dưới cơ phu, mới gói quỳ mồn sản tương phủ.

Với một bản ngã mạnh mẽ, vững vàng được rèn luyện già dặn bằng những kinh nghiệm của đời. Nguyễn công Trứ khôn, câu nệ rằng sống ở đời phải giữ những bàn tay sạch. Muốn cần thận phải chịu bần lâm, phải nhận lấy một phần cát bụi của đời, đề vượt lên cao. Đời như một cuộc viễn trình, mỗi người đều là kẻ độc hành, phải thừa nhận cát bụi đề có thể đi hết con đường của mình. Vì thế có một lần da diết nào đó, Nguyễn công-Trứ đã tính đường «cơ tắc» hoặc «cùng tỵ».

Đạo đức của Hàn Nho-Phong Vị Phú là một thứ đạo đức thực tiễn, của những người muốn sống, muốn làm lên một cái chi có ích cho đời, hơn là ôm một chút lòng cô trịnh cho đến chết. Nguyễn-Cộng-Trứ đã nhận tất cả hèn mọn của thân phận làm người để trở nên lớn lao, to tát hơn, đó là một thái độ sống thực, rất thận can, dạn mãnh liệt, nhưng cũng chính vì thế, một vài người câu chấp đã có cơ đề trách ông.

Cao bá Quát không chấp nhận quan điểm đó, không phải vì ông là người câu chấp, thiên cận nhưng chính vì Cao bá Quát từ trong bầm sinh, đã mang ý thức của một thiên thần, không thể nào quên đời cảnh trắng của mình đề sa sút xuống sông lặn lút với người đời:

— Nào kiếp chữ Đồng câu tạ, nữ hoài chén ngọc để trần ai ?

Vì ý thức bản thể mình là băng tuyết, phẩm cách mình là chất ngọc, Cao bá Quát nhất định chọn sự trong sạch tuyết đối. Dù sự nguy khốn của hoàn cảnh, dù đời bạc đãi, hắt hủi, ông vẫn bảo vệ sự trong sạch đó cho tới cùng, không thể đánh đổi nó để lấy những tặng phẩm phi nghĩa của cuộc đời.

Đói rau rừng, thấy thóc Chu mà trả, đá Thủ đương chom chôm, xanh mắt Di nằm tốt giấc o o. Khát nước sông, trông dòng đục không vô, phao Vĩ Thủy lênh đênh, bạc đầu Lã ngồi câu ho khụ khụ.

Đạo đức Tài tử Đa Cùng Phú muốn đưa con người đến tuyết đối. Tác giả của nó đã chọn tấm lòng cô trinh làm căn bản để giải quyết những vấn đề của đời mình. Đó là luân lý của con cò trắng trong ca dao, khi thất thế, thì chọn cái chết đau đớn còn hơn là phải dâm mình trong nước bẩn.

Ngày xưa có một người cô trung đã phải tìm cái chết ở dưới sông Mịch La vì không thể rửa chân khi nước sông Thương Lang đục. Đó là K huất Nguyên, Lương Khải Siêu đã nói về ông như sau :

— ‘Đầu óc Khuất Nguyên chứa hai nguyên do mâu thuẫn nhau, một là lý tưởng thì cực kỳ cao thượng, hai là cảm tin, thì cực kỳ nhiệt liệt’

Lời phán đoán đó có thể đúng với cả Cao bá Quát. Chính cái mâu thuẫn nội tại ấy của tâm hồn đã khiến Khuất Nguyên cũng như Cao bá Quát khó thể Sống ở Đời, vì đã mạo hiểm dấn thân vào một sự lựa chọn có tính cách chung thân, hoặc là chọn Đời, hoặc là chọn chính Minh. Như trong thiên Bốc Cư, Khuất Nguyên đã bị kẹt trong cái thế lựa chọn đó.

‘... Nên bừa giã cỏ lau để hết sức làm ruộng chẳng ? Hay nên giao du với kẻ sang để cầu danh ? Nên nói thẳng chẳng kiêng nể gì để nguy thân ? Hay nên theo thói tục cầu giàu sang để

sống cầu thả ? Nên liêm khiết chính trực để được trong sạch chẳng ? Hay nên tròn trĩnh, trơn tru như mỡ như da để được như cái cột bóng ? Nên ngang nhiên như con ngựa thiên lý chẳng ? Hay nên lênh đênh như con vịt ở trên mặt nước cùng nhấp nhô với sóng để bảo toàn lấy thân ? Nên chạy qua với loài ngựa kỳ, ngựa quý chẳng ? Hay nên theo cái vết của loài ngựa hèn, nên cùng bay với loài chim hoàng hạc chẳng ? Hay nên cùng tranh ăn với gà vịt ? Đường nào cát, đường nào hung ? Bỏ đường nào, theo đường nào ?...»

Đó cũng chính là những vấn nạn đã đặt ra cho Cao bá Quát khi sống với xã hội của ông, cũng với sự suy đồi của một ý thức hệ căn cốt, đã mất hết sức sống, quân quyền nhà Nguyễn, thay thế vào đó một đẳng cấp gồm bọn nhà nho hương nguyên, giá áo túi cơm, đề củng cố ngai vàng của họ. Chính bọn hủ nho đó, đã xu phụ với chế độ phong kiến lạc hậu thời bấy giờ để bảo vệ lẫn nhau trong một thế cộng sinh giả tạo. Vì thế, chúng tìm cách loại trừ những kẻ nào có thể phản động lại quyền lợi bất chính của chúng. Cuộc đời thăng trầm của một kẻ sĩ có thực tài, dù thái độ rất mềm dẻo khôn ngoan, như Nguyễn công Trứ là một bằng chứng hùng hồn về điều đó. Đến lượt mình, Cao bá Quát cũng sẽ dự vào ván bài đã bày sẵn trước mặt, sự lựa chọn đã được mình định một cách dứt khoát, hoặc bỏ rơi phẩm cách để a tòng theo xã hội đó, hoặc từ chối mọi hợp tác bất chính để bảo vệ lấy cái «phương danh» của mình. «Đường nào cát, đường nào hung» ? Bỏ đường nào theo đường nào ? Cao bá Quát đã mình định rõ ràng thái độ vào đời của ông :

— *Khéo ứng thủ những các quan trên,*

Xin bái ngành cày anh phường phở.

Nghĩa là, cũng như Khuất Nguyên, Cao bá Quát đã chọn con đường hoàng vương để đi trên đó, dù biết rằng con đường đó sẽ không đưa đến hạnh phúc, sẽ không đưa đến một thỏa hiệp nào với cuộc đời, dù biết rằng con đường đó sẽ đưa đến Hư vô

và những ai đã chọn con đường đó sẽ không để lại một cái gì ở đằng sau, ngoài ra một cái tên rất phù phiếm:

Khét mùi thể vị chẳng thà không,

Thơm nức hương danh nên mới khờ.

Người khác có thể nói rằng, Cao bá Quát thiếu thực tế, Cao bá Quát không khôn ngoan bằng Nguyễn công Trứ trong nhận thức về số phận làm người. Nhưng không một ai có quyền nghi ngờ sự trung thành tuyệt đối với nhân phẩm. Cái tên Cao bá Quát, dù chỉ là bèo bọt vô nghĩa, ông sẽ bảo vệ nó bằng bất cứ giá nào trước những bạo lực của cuộc đời luôn luôn muốn vùi dập nó. Luận lý của Tài Tử Đa Cung Phú, như luân lý của Khuất Nguyên, như luân lý của A. Malraux, bây giờ, chính là hiện tượng luận của niềm kiêu hãnh.

Nhà phê bình Trúc-Khê nói về Cao bá Quát đã xếp ông vào hàng những người «Kiêu hãnh quá trớn».

Phân đoán đó sẽ không phát biểu nổi con người sâu thẳm của Cao bá Quát nếu hiểu chữ kiêu hãnh hoàn toàn theo nghĩa luân lý. Phương diện đạo đức, kiêu hãnh là một tánh xấu, một nhìn nhận quá đáng về chính mình, và gì thế tự đặt mình vào ngôi vị cao cả nhất giữa mọi người.

Hẳn rằng Cao Bá Quát không tránh được khuyết điểm đó. Câu nói nổi danh của ông hồi còn đi học. « Trong thiên hạ có bốn bờ chữ, một mình ta chiếm hết hai bờ... » đã được nhiều người nhắc lại một cách khó chịu. Nhưng đó cũng chính là ngôn ngữ của Nễ Hanh, của Lý Bạch đời xưa. Người ta chưa quên những lời lẽ ngông ngạo của Nễ Hành khi phê bình tài năng bọn tả hữu Tào tháo, và lời tự giới thiệu của ông khi ra mắt Tào Tháo.

« Thiên văn, địa lý, không chuyện gì là không thông. Tam giáo, cửu lưu học thuyết xưa nay, không một điều gì là không hiểu. Trên có thể giúp vua làm sự nghiệp Nghiêu Thuấn, dưới có thể sánh với Đức Khổng-Tử, Nhân Uyên, há có thể đem ra

luận chung với người đời sao. Người ta cũng không thể quên Lý Bạch, đã bắt Cao Lực Sĩ. Kiểu hãnh hành như chính là một dấu hiệu kỳ dị của các thiên tài ở đó, biến họ thành một kiểu người đặc biệt, đời gọi là cuồng sĩ.

Nhưng ở Cao Bá Quát, niềm kêu hãnh còn mang một bản chất sâu xa hơn là dấu hiệu của cuồng sĩ. Căn phải phán đoán nó trên nền tảng của siêu hình học hơn là chỉ căn cứ trên đạo đức học. Từ khi tổ giáo, được bản chất bèo bọt tầm thường của đời (chính tư tưởng Phật giáo và Lão Trang, cùng với xã hội, Cao Bá Quát đã giúp ông nhận thức điều đó), và đồng thời, cũng nhận chân rằng chính những bèo bọt vô nghĩa đó tập hợp thành những bạo lực mù quáng luôn luôn đe dọa bản ngã ông. Cao Bá Quát quay lại với chính mình, tựa vào bản ngã mình để lấy sức chống lại cuộc đời.

Chính cái ý thức mãnh liệt về bản ngã, nguyên sẵn có ở những thiên tài (như vừa nói trên) đã buộc Cao bá Quát phải có thái độ rõ rệt, dứt khoát trước cuộc sống, và dĩ nhiên không cho phép ông sống âm ỉ, ba phải như những người khác, cũng không cho phép ông cúi đầu làm thính trước những gì trái tai gai mắt của cuộc đời. Do đó, Cao bá Quát phải trả lời cuộc đời bằng thái độ cười cợt, chế riễu, miệt thị... Kiểu hãnh là thái độ phủ nhận cuộc đời, trong thái độ đó Cao bá Quát phải trở về với chính mình để tìm một cứ điểm, để tìm một nguồn suối giá trị giúp ông đứng vững, khi tất cả những giá trị ở ngoài đời đều đã sụp đổ. Cao bá Quát không còn tìm thấy chỗ đứng ở đó nữa:

Sống nghĩ lại trần ai không đểch chỗ.

Nhận rõ được chân tướng hèn mọn của đời, Cao bá Quát càng thấy cần phải quay trở về níu chặt lấy bản ngã mình như Narcisse trong thần thoại Hy Lạp xưa, Cao bá Quát cúi xuống chiêm ngưỡng hình ảnh của mình nâng niu phẩm cách thanh quý của mình trước, những bạo hành của cuộc đời. Niềm kêu hãnh của Cao bá Quát chính là một cách thế để ông bảo vệ cho giá trị của mình và cũng

là một phương sách để ông phản công trở lại, nổi thù hận của cuộc đời đối với ông, nổi thù hận đó biểu lộ rõ rệt trong những thất bại cay đắng của ông trong việc thi cử làm quan. Chính nổi thù hận đó mà cuộc đời đã ném vào trán ông, khiến ông nhận thấy bản thân mình đang lâm nguy.

Do đó, chứng bệnh Narcisse mà ông đã mang sẵn trong bản ngã từ khi ra đời, ngày càng trầm trọng hơn, và rốt cuộc biến Cao bá Quát thành một kẻ phá đám trước cuộc đời.

Có thể nói rằng bản chất mối tương quan giữa Cao bá Quát và cuộc đời là một phủ nhận, một cuộc trả đũa dài hạn. Cùng với thái độ phá phách của ông, Cao bá Quát đã nhận về phía cuộc đời những võ nặng nổi kết lại để thành lịch sử đen tối của đời ông, từ cảnh nghèo đa diết ông đã sống gần suốt cả đời thanh niên trong Tài Tử Đa Củng Phú đến những khóa thi hội bị đánh hỏng một cách vô lý, mười năm giàng hồ lạc phách hoài phí tài hoa, tuổi trẻ trở về kinh làm một chức quan nhỏ vô danh, bị đẩy vào Đà Nẵng, cuối cùng bị đẩy lên mạn ngược làm một, ông đồ gõ đầu trẻ trong một phố huyện khi ho gà gáy. Giữa bản ngã Cao bá Quát và cuộc đời có một đồ vỡ không hàn gắn lại được, giữa ý thức Cao bá Quát và cuộc đời có một cuộc chiến tranh âm thầm nhưng càng ngày càng khốc liệt, và ngay trong chính ý thức Cao bá Quát có những tấn kịch do chính bản ngã ông trình diễn, trong những vai bị thảm và luôn luôn đòi chiến thắng. Chính từ những tấn thảm kịch đó đã mọc mầm và lớn lên rất nhanh, ý thức nổi loạn của Cao bá Quát.

Lần bị đẩy lên làm giáo thụ ở Sơn Tây là một biến cố đau đớn nhất trong đời Cao bá Quát. Cuộc đời hiện ra trước mặt ông như một cuộc đày ải vĩnh viễn, như một cái gì rất bị đời và bị đất, vì một cách âm thầm đã phủ vây bản ngã ông không ngõ thoát, kềm hãm và đe dọa sẽ tiêu diệt dần dần niềm kiêu hãnh của ông. Chính trong những giờ ba hoa với đám đũa học trò ngu si nửa người nửa ngợm, trong những buổi chiều nằm vui vãi trên

chống tre trong một căn nhà tồi tàn nào đó, chính trong những ngày những tháng chênh choáng với bóng say của mình trên những triền dốc của núi đồi, Cao bá Quát có đủ thì giờ để cảm thấy một cách sâu xa nỗi suy-vong của đời ông, để chiêm nghiệm hết trò chơi đều của định mệnh và rút ra một bản kết toán vô vọng về đời ông.

Ngày xưa, cùng với tuổi trẻ ngông cuồng, Cao bá Quát từng nuôi nấng tâm hồn mình bằng hình ảnh của một tương lai lộng lẫy :

*Đề ta đeo vòng thư kiếm, quyết xoay bạch ốc lại lâu đài,
Đề ta gánh vác giang sơn, quyết ném thanh khâm sang
cầm tù ».*

Bây giờ... Tất cả sự nghiệp chỉ là ba gian nhà trống, nỗi tủ nhục hiện thân một cách trắng trợn không che dấu : « Một thây, một cỏ, một chó cái... »

Ngày xưa, cùng với buồng gan háo hức vào đời, với niềm tin cậy vào tài hoa quán thế của mình Cao bá Quát mang cả vầng trán trẻ trung, bừng bình ra thách đố với số mệnh với lời nguyện sẽ tự tay kiến tạo lấy cuộc đời :

*Rửa buồng gan đủ tử non non, giương tay tạo rập
xoay cơn khi số.*

Bây giờ, cả sự sống chỉ còn thu nhỏ lại trong chuyện áo cơm, trong khuôn khổ hèn mọn của chiếc rưởi cải lương vàng, và đành làm một loài ngựa hèn quen đường trường đề tự an ủi bằng một nắm cỏ khô :

*Trời chân kỳ kỳ tra vào rọ
Rút ruột tang bồng trả nợ cơm... »*

Ngày xưa và bây giờ. Có một cái gì nghịch lý giữa hai thời gian đó, có một mâu thuẫn xót xa giữa lý tưởng Cao bá

Quát và thực tế, giữa bản ngã Cao bá Quát và cuộc đời, khiến cho khi so lại, Cao bá Quát không khỏi bàng hoàng tủi thân :

— Ngã độc đứng cao sẫm

Hạo ca kỳ vãn thây

Hữu ước nãi vì tư

Phàm sự đại đồ nhĩ.

Bản dịch quốc văn :

«Ta muốn lên ngọn cao

Hát vang, mây nước dậy

Hẹn thề mà được đâu,

Phàm việc đều như vậy.»

Đó là khuôn mặt sầu chán của Cao bá Quát trong những ngày sống đầy ở miền núi. Như lời của Trúc Khê «Nhiều lúc một mình bạo bực, ông tự thương cho cái tài chí của mình không có chỗ đem dùng ra được, từng mượn lời Khổng phu Tử đề than thở : Mạc ngã tri dã phú ! Mạc ngã tri dã phú !

Chính từ nỗi uất ức sầu chán đó tâm hồn Cao bá Quát đã lớn lên bằng một cơn quật khởi. Trước sự gầy hấn của định mệnh, trước những bạo hành của cuộc đời, trước tình thế đã đến lúc quyết liệt buộc phải có thái độ, Cao bá Quát đã chọn làm một người bất khuất. Đã mang sẵn trong cốt cách tài tử của ông, một tâm hồn ngang tàng, cao rộng, Cao bá Quát không thể sống dầm dúi mãi đề nhìn cuộc đời dẫm đạp lên niềm kiêu hãnh của ông. Nói như ai :

— Sông to không làm thế nào mà thu bờ hẹp lại để vừa ý kẻ muốn lợi quá.

Núi cao không làm thế nào mà rút được ngọn thấp xuống để chiều lòng kẻ muốn trào chơi..

Cho nên, cũng như cái xe to, không thể thu nhỏ bánh để tạm đi qua đường hẹp.

Ý thức nổi loạn được nung nấu nhiều ngày bằng lòng thù hận, đã chín mùi vỡ ra thành một thái độ bạo động, dưới hình thức của một cuộc cách mạng phù Lê. Thực ra, cách mạng chỉ ra một cái cớ để cho niềm kiêu hãnh của Cao bá Quát.

Trong một vở kịch A. Camus, Caligula, một ý thức nổi loạn đã gào thét :

— «Trần gian này không thể chịu được. Vì thế, tôi cần phải có một cung trăng, hay một hạnh phúc, sự bất tử, hoặc một cái gì điên rồ khác, miễn nó không thuộc trần gian này».

Lời đó có thể diễn xuất tâm-trạng u-uất của Cao bá Quát một trăm năm về trước, trên những triền dốc chênh vênh của đời ông, đã đưa ông đến thái độ nổi loạn. Bị dồn vào thế bí, Cao bá Quát phải tự đi tìm lối thoát cho bản ngã ông. Cái mà Cao bá Quát đi tìm người ta có quyền mệnh danh một cách khác nhau. Có người cho là một bất tử, người khác cho là một cơn điên rồ. Nhưng dù thế nào đi nữa cuộc nổi loạn của Cao bá Quát đã tiêu biểu cho thái độ phủ nhận tuyệt đối trước bản chất xuân động phi lý của cuộc đời. Nó đã cụ thể hóa cuộc mạo hiểm của trí thức Việt Nam trên con đường chinh phục Tự Do, thứ tự do bị thâm chí có thể được mặc khải trong thái độ con người tự chọn Cái Chết của mình như Nguyễn Du đã thể hiện trong cái chết của Từ Hải. Cuộc nổi loạn của Cao bá Quát đã mang tất cả ý nghĩa trọng đại của sự lựa chọn đó. Cho nên, nếu ông đành chịu tiếng làm một bề tôi bất trung của nhà Nguyễn chính là vì ông muốn trung thành đến cùng với Chính-Minh «ninh tác ngã» như lời tuyên ngôn của Cao bá Quát trước cuộc đời.

Huế 1-11-65

TƯƠNG-HUYỀN

NGUYỄN VĂN XUÂN

Chinh Phụ Ngâm lên tiếng nói chuyện với tòa-soạn Văn Học giáo sư Lê Hữu Mục (*)

Thành thật mà nói, tôi đọc những đoạn phê bình của ông Mục về chữ Nôm, dù ông chê tôi nặng nề mà tôi vẫn khoái ở chỗ ông biết nhiều điều mới lạ, nhưng đọc phần ngoại diện (trong khi nó là nội diện) trên đây, đôi lúc tôi sững sốt. Tôi tự hỏi : Tại sao Lê quân có thể sai lầm đến mức độ đó ? Có nhiều câu giải đáp, nhưng tôi không coi thường câu này : vì có *định kiến* cho việc ông Hãn làm là thiếu chính xác nên lấy tư cách chuyên viên chữ nôm, ông Mục đã phản ứng rồi thành có *định kiến*. Nhưng ông chưa đồng ý với ông Hãn chỉ là phần cục bộ. Vì tôi sẽ đặt câu hỏi như cũ : nếu những bản ông Hãn tìm ra toàn là bản chép lại đầu thế kỷ này (vì rất có thể như thế) thì sao ? Thì phủ nhận tuốt, phủ nhận từ gia phả, tới bài ngẫu thuật, bài tựa của nhà xuất bản và sẽ sẵn sàng phủ nhận những gì sắp xảy ra. Sự thật, ta sẽ thấy ông Hãn làm nổi việc trả cho Huy Ích sách Tân khúc phần lớn là nhờ vào thư công bố của Phan huy Chiêm. Rồi từ khởi điểm hữu lý đó, không chỉ so sánh chữ nôm mà ông còn phải so sánh nhiều những nội dung : tư tưởng, tình cảm, hình thức : ngôn ngữ, thể loại, cú pháp, từ pháp nào đối chiếu từ và lời vv... (theo Lại ngọc Cang) giữa các bản ông đã tìm ra cố ý để chứng minh cho lời công bố của nhà họ Phan là đúng mà thôi. Nhưng Lê quân vì chuyên về chữ nôm, cho là phải có mặt chữ nôm mới quyết

(1) Noy cụ vào Saigon. Nôm ngoái, cụ được giải thưởng T.T về tường hát bộ viết bằng chữ Nôm rồi mới âm ra quốc ngữ.

Định được và đó là yếu tố căn sở một nền nuôi thành định kiến. Bây giờ, bị định kiến ấy ám ảnh mãi ông, không thể còn đủ sáng suốt để tìm hiểu bài tựa mà ông cũng biết chắc của Phan huy Ích kia. rồi «ma đem lối, quỉ đưa đường» đã dẫn ông tới chỗ phủ nhận trước khi đọc và khi đọc, chỉ đọc một cách theo định kiến «huấn hồ» của mình... Đây không phải trường hợp cá nhân ông Mục mà là của một số người đã từng chỉ biết có Đoàn thị Điểm hay đã lỡ nhiều lời phủ nhận Phan huy Ích trước kia. Viết tới đây, tôi xin kể một giai thoại nhỏ. Tôi có một cô bạn, một hôm, gặp tôi cô bảo :

—Tôi chưa bao giờ giận anh, nhưng lần này tôi phải giận.

Tôi hỏi lại :

— Tại sao ?

— Còn tại sao ? Anh làm mất giá trị của giới nữ. Tại sao không phải là Đoàn thị Điểm ?

Nhưng phản ứng đó chưa chua chát, nặng nề bằng phản ứng đã xảy ra trước khi ấn hành Chinh Phụ Ngâm Diễn Âm Tân Khúc. Hôm ấy tôi đi cùng xe với ông Khoa trưởng và một vị giáo sư ở trường về cư xá. Tôi rất mến anh giáo sư ấy, vì lúc tôi bị tù tội thời chiến tranh Việt, Pháp, anh không quen biết tôi mà đối xử rất tốt (tự nhiên «nhờ» lính tới tìm đích danh tôi trong nhà lao, mời đi ăn nhậu linh đình) nên tôi bảo đã tìm được bản Chinh phụ Ngâm Tân Khúc của Phan huy Ích và tôi đã in xong bản offset. Anh không biết gì tới sách, tới bản in, và vốn tính rất hòa nhã với tôi, vậy mà anh gần như thét lên trong xe, anh đã thành thật phẫn nộ, cho đó chỉ là một chuyện không thể nào có được và Hoàng Xuân Hãn đã làm....

Tôi biết sẽ còn nhiều phản ứng, nhưng dù ta thương yêu Đoàn thị Điểm đến muốn độ xót xa nào, ta cũng đừng quên Văn học sử là khoa học và khoa học thì căn bản là phải trọng chân lý.

Trên đây, tôi đáp ứng đúng theo trọng tâm của các đề mục mà Văn Học số 153 đã nêu ra «Cuộc tranh luận về vấn đề danh tính dịch giả Chính phụ ngâm đã kết thúc ra sao» trọng tâm là ở đó, nội diện là ở đó chứ không thể và sẽ không bao giờ chỉ căn cứ trên tự dạng của chữ nôm mà quyết đoán dù việc nghiên cứu ấy rất hữu ích.

Phần này đến đây đáng lẽ chấm dứt đề chuyển sang phần bàn về chữ nôm. Nhưng tôi nghĩ là tôi cần nói thêm một vài điều đề Lê quân và quý độc giả — nhất là giới trẻ đang đi vào đường nghiên cứu—hiều thêm cho những khó khăn và nỗ lực của tôi khi phải tìm hiểu tác phẩm cổ kia. Tôi phải đặt nhiều câu hỏi sau khi tìm được sách nào có phải sách gian lậu (như ở trường Viễn đông bác cổ) nào có phải tác giả là Phan huy Ích, bản chính này ở vào thời kỳ nào, tại sao nó lại nằm ở Huế, tại sao nó lại mất đúng trang nọ, tại sao? Rất nhiều câu hỏi và với mỗi câu hỏi lại tìm ra một vài giả thuyết để thử giải đáp rồi do đó kiểm chứng xem có đúng không? Thật là nhọc nhằn vất vả, May có ông Hoàng Xuân Hãn là học giả thành tâm và có thực học giúp đỡ, lại có cụ cử Hà Ngại tận tâm chỉ dẫn nên tôi mới dám quả quyết sách kia là của Phan huy Ích đúng như tôi đoán từ ban đầu. Tôi đã trải qua nhiều câu hỏi, cho tới câu chốt thuộc về «ngoại diện» mà nếu giải đáp được, tôi mới yên tâm, Đó là, theo lời nhà tân san, quý vị chủ trương nhà xuất bản này có bảo là Thu năm Ất Hợi 1815 họ thừa lệnh (trên), khắc một bộ sử, gần một năm mới xong rồi mới khắc tới tân khúc, Đã là bộ sử thì rất có thể tìm ra tông tích mà đã tìm ra được tông tích bộ sử này rồi thì nhất định như *đinh đóng cột* là cả bản Chính phụ ngâm tân khúc, cả bài tựa kia đều có thật cả. Thế thì làm sao tìm cho ra danh tánh bộ sử ấy?

Tôi đã tìm ra một giả thuyết khá dài, lý luận có mạch lạc, có hệ thống đề do đó đi tìm trong các bộ sử. Nhưng giá

CHINH PHỤ NGÂM

thuyết đó đã bị ông Hoàng Xuân Hãn gọi là giả thiết và đánh bại ngay bằng một chứng liệu rút từ Quốc sử biên mà tôi đã chép lại trong bản Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc các trang 27, 28, 29 (1, 11). Tuy giả thuyết đã bị đánh bại, song tôi cũng cho đăng phụ lục ở đây đề vị nào còn những thắc mắc về sách ấy — chắc vẫn còn — sẽ thấy rõ những chặng đường vấn đáp (1) tôi đã đi qua đề tự giải đáp và rút kinh nghiệm xốt xa của tôi trong khi đi tìm sự thật. Tôi xin nói thêm, nói rõ là từ khi ông Hoàng xuân Hãn tìm ra được tung tích bộ sử ấy rồi, tôi không còn một tí phân vân, ngần ngại nào nữa. Và đó là lí do khiến tôi đi vào biên khảo và phê bình trên cơ sở Phan huy Ích là tác giả và bối cảnh à thời Lê mạt, Nguyễn Sơ vậy.

Phụ Lục

Việt-Nam, ngày 16 tháng 5 năm 1970

Kính ông...

.....

1/ Tôi thấy ông suy luận hoàn toàn giống tôi trong phần công nhận tác giả là Phan huy Ích. Nhưng chắc ông sẽ thấy là Phan Huy Ích có nói trong tựa "tế gia chú thích" mà trong bản chép-in không có là một thiếu sót đáng đề ý. (2)

2/ Về chữ chiếu khám. Tôi chịu là ông có con mắt rất tinh. Tôi định nhắc ông điều ấy trong thư này vì ảnh chỗ ấy hơi mờ. Nhưng tại sao người chấm câu đã chấm câu như thế? Có lẽ ông ta hiểu câu ấy như sau: *Lịch doãn cự huyện thống thuộc đài, chiếu khám bình tổ...* một quan huyện, đầu ở huyện lớn cũng chỉ thăng đến hàm thuộc quan tột đỉnh, nghĩa là chưa lên hàng đường quan được. Còn xét xem ngày thường... Về sau, tôi đọc sách thấy ông Đặng Trần Côn' đã từng là *Ngự sử đài chiếu khám* mới biết rõ

(1) Quý độc giả sẽ thấy có nhiều vấn đề, nhiều thắc mắc khác ngoài giải thuyết nói trên.

(2) Cụ cử Hà Ngõai giông: Kiểm điểm thật kỹ lưỡng (mới thêm)

hơn, Nhưng dù tôi đồng ý là thuộc *đài chiếu khám* song vẫn nhắc lại cái chấm câu ấy để người sau tra xét phòng khi có một lỗi hiểu mà tôi chưa ngờ tới.

Sau đây là vài điều tôi chưa rõ, hoặc cần thương xác kỷ hơn với ông vì tôi e kỷ trước, thư viết gọn quá nên chưa được ông thông cảm.

1/ Trong bài nguyên tựa, ông nói thiếu lạc khoản : năm tháng, ngày và tên ký (tác giả, tôi đoán ý ông). Nhưng tôi tưởng vì có nên có lẽ còn có tên của nhà xuất bản, đôi khi còn có thêm lời nào đó. (Cuối bài tựa có lẽ sau câu *không phải để cạnh tranh* đua chen với ai, còn thêm một điều mà chúng ta đã thấy trong bài ngẫu thuật bằng thơ : *tự tín my minh tác giả tâm* nay diễn ra văn xuôi chẳng ?) chữ *để* (ngự đề) mất hẳn chữ không phải mờ và viết hủy. (1)

2/ Về câu *du du ngũ thập niên lai* : Tôi không nhận số 50 năm này là chính xác như ông nói. Vì nếu 50 năm đúng thì : 1804-50 = 1754. Vậy mà tôi chỉ viết con số tròn khoảng 1750 : như thế có thể hiểu là 1774, 1748 cũng còn tạm được. Nhưng giá thử bà ĐIỀM chết 1748 thì bà phải dịch nó vào khoảng trước 2 năm : 1748-2=1746(2). Theo lối nói xưa từ 1754 đã có thể bảo là *du du lục thập niên lai* rồi vì *ngũ thập niên* không phải là thành ngữ cố định chỉ thời gian thay cho cả chục năm trước. (Tôi nói 3 năm trước khi chết vì có thể lúc ấy mới còn dồi dào sức khoẻ để làm việc và mới đủ thời gian để tác phẩm truyền bá rộng ra). Như thế, thời gian càng lùi về trước năm bảy năm lại càng dễ tin hơn thời gian tối thiểu này). Tôi sở dĩ nhắc kỷ điều này vì Phan Huy Ích là hạng tiến sĩ, theo kiểu học thời ấy phải có trí nhớ tốt : ngoài ra, em là Phan huy Ôn, cũng tiến sĩ, hay làm sách nói về việc thi, người thi *«Lịch triều liệt truyện»* đăng khoa bị khảo *«khoa bảng tiêu kỳ»*. Hai ông này, như thế, phải biết các bậc trí

(1) Trong ảnh có rất rõ phần này, xin nhắc các nhà nghiên cứu (mới thêm)

(2) Trừ khi bà chết bất ngờ không phải vì bệnh

CHINH PHỤ NGÂM

thức thời ấy bằng ghi chép chứ không phải nghe bằng giai thoại mà thôi.

Dù sao, thuyết bà Diễm chết 1848 còn tạm nhận được phần nào, chứ có ai bảo bà chết 1840 mà lại có điển Chinh phụ ngâm thì e sai quá chăng ?

3/ Về các điểm ấn bản ở Huế và sự liên lạc của Phan huy Ích và Nguyễn văn Thành.

Nếu tôi chỉ xem ảnh như ông, chắc tôi cũng không chú ý điều này : Trang cuối bài tựa *không có* chứ không phải bị xé mất như một trang «bảo vệ» ở phía trước bị xé, còn thấy dấu. Tôi tiếc là theo thường vẫn thấy, cuối sách hay ghi câu «trên kia cộng bao nhiêu trang» để dễ quan sát, : nhưng sách này lại không có câu ấy. Điều này mới nhìn qua, tưởng không quan trọng song nếu thật đúng là không có trang ấy trong bản chép in thì tôi có quyền nghi ngờ, khi phải liên hệ :

— Tại sao trong bản nôm của gia đình Phan huy Chiêm cũng không có bài tựa ?

— Tại sao trong các bản ông Hoàng Xuân Hãn tìm được lại không có bài A ?

Ông ở Pháp lâu, lại ít phải giữ sách *lậu* nên không trải qua cảnh này, chứ chúng tôi thì thường xuyên qua các «Triều đại» (III) : một quyền sách mất đầu (gồm tên sách; tác giả, tựa) thì chưa hẳn vì nó mất mà có thể đã bị nạn *chém đầu*. Người ta phải xé cho tới trang nào mà tin là nó không còn có thể đe dọa an ninh của mình nữa. Chẳng hạn bây giờ ông cho tôi một quyền in ở Bắc, tất ông phải lo xé hộ hết cả cái đầu ấy, ít nhất là các trang bìa, tên tác giả, nhà xuất bản, hoặc giả sau 1954, ai muốn giữ lại sách gì thì thường cũng hay xé phần đầu rồi có động tịnh gì là phải mau đốt đi cho kịp !

Như thế, khi thấy quyền tôi mất tên tác giả dưới bài tựa trong khi cách đó nghìn cây số, ở chính gia đình tác giả thì sách còn mà mất toàn bài tựa (đương nhiên cả hai kỳ in đều có, vì

bản tân san đề là nguyên tựa !) Còn ngoài ra, không nơi nào còn bản ấy, nhất là ngoài Bắc, nơi đề tập trung nhiều tài liệu cổ hơn trong nước ta ? Ông sẽ hỏi tại sao bản của tôi còn tựa dù đã mất tên tác giả ? Tôi cũng có thể trả lời theo kinh nghiệm người giữ sách ấy có thể lục, không bao giờ sợ bị lục soát nhưng cũng cứ đề phòng theo thông thường bằng cách xé quách, trang ấy đi. Tôi cần nhắc lại bản ấy ở trong gia đình một bà Chúa. Còn gia đình Phan Huy có lẽ thời ấy đang trải qua một sóng gió nào nên không gì thuận lợi hơn là chém quách đầu (1) trong khi bao kẻ khác hủy diệt sách (2).

Như thế, chỉ có thể giả thiết là Phan Huy Ích đã trải qua một cơn sóng gió khiến tác phẩm cũng bị ảnh hưởng theo. Nhưng sóng gió nào sau 1804 ?

a) Bản khắc ở Huế :

Trong thư, tôi có nhắc ông đề ý mấy dòng trong tựa nhà xuất bản : *“Ất Hợi thu thừa khắc sử tập nhất bộ duyệt tuế công thoan. Nhân tọa thư đường đàm thoại, thư tịch phẩm cập...”*

Theo lệ thường, tôi phải nghĩ là bản khắc ở Bắc, làng Liễu Khàng v.v..., như ông vẫn nhắc trong các sách của ông. Nhưng có hai điều khiến tôi phải nghĩ rộng ra :

— Vua Gia Long rất chuyên tâm đến công nghệ. Dưới thời ông, đã có đóng tàu kiểu Tây dương (chuyện mới) thì lý gì ông không khuyếch trương tại kinh đô việc khắc bản in (chuyện cũ) vốn phải có từ thời các Chúa.

— Nguyễn văn Thành được kiêm Tổng tài quốc sử quán trong khi giữ ấn thụ chương trung quân, thì đương nhiên ông phải tổ chức việc viết và in sử, in luật. Từ Bắc về, lẽ nào ông lại không mang theo những thợ giỏi mà ông có quyền trưng dụng

(1) Cũng có thể gia đình ấy đã không còn giữ toàn bản viết mà chỉ thuộc lòng rồi sau đó chép lại.

(2) Chứng cứ như ông cho biết Ông Lại Ngọc Giang về làng tác giả, không tìm thấy sách mà các phụ lão vẫn thuộc lòng theo bản Phan Huy.

CHINH PHỤ NGÂM

(Hoặc họ hân hoan theo ông) để vào Huế làm việc. Khó tin được là sử viết xong lại đưa ra Bắc khắc để dành, hướng chỉ đây lại là *Quốc sử quán* của kinh đô. Mà năm ấy là Gia Long thứ 14 rồi ! Ngày sau này, lên chơi nhà Phạm Phú Thứ, thấy nhiều bản khắc tập "Giá Viên", tôi mới biết tác giả đã thuê thợ Bắc vào Quảng-Nam để khắc. Thời đó, việc tổ chức nhà in chỉ khó về nhân sự chứ không phải phương tiện. Mà nhân sự, như tôi đã nói, ông Thành có thừa.

Bằng vào tựa của nhà xuất bản, thấy nói rõ là *khắc sử* xong mới khắc *khúc ngâm*. Vậy nếu *khắc sử* đã ở Huế, một nhà xuất bản phụ thuộc Quốc sử quán, thì bản ngâm cũng khắc tại đó như trong bài tựa cho thấy. Còn chuyện buôn bán có lẽ cũng theo con đường Giá Viên : bán ở Bắc thì theo đường ghe bầu chuyên chở hàng ngày ra đó...

b) Liên lạc giữa Nguyễn văn Thành và Phan Huy Ích :

Vậy ai đã in sử ? Tất là Nguyễn văn Thành tổng phụ trách và cất đặt (thừa khắc sử tập nhất bộ). Việc in sử xong tiến tới việc in *Chinh phụ ngâm* có phải chỉ là do tự ý nhà xuất bản ? Nếu đặt từng việc riêng rẽ, có thể nghĩ như vậy. Nhưng nếu hên hệ với nhau, ta sẽ thấy không phải chỉ là ngẫu nhiên. Phan Huy Ích với Nguyễn văn Thành không phải chỉ liên lạc nhau qua loa mà có thể sâu xa. Vì văn tài của Thành dễ gần gũi nhân tài của Ích. Nếu quả bài văn tế văn bảo của Thành là thật (1) thì họ còn dễ thân cận hơn nhiều và dám "mục hạ vô ngôn" lắm : Tôi nghĩ việc sử sự ở Bắc-Thành mà Phan Huy Ích được dự chỉ sau một năm bị đánh đòn trước Văn miếu thì không phải chỉ vì nhu cầu công vụ rồi vua Gia Long nghĩ tới mà có lẽ theo đường lối hành chánh thông thường : Vua ủy cho

(1) Xin xem trong Tân khúc, tôi có dẫn một đoạn là các câu văn tế của Thành giống với các câu trong *Chinh phụ ngâm* các trang 147-148 nên lại càng đáng tin (mới thêm)

Tổng trấn, tổng trấn tiền cử, bảo đảm. Trong thời này, ngoài, 'sách phong lễ hoàn kỳ sự', Ích còn làm thêm 'Nghĩ chương tiền quân tổng trấn quan khảo tế bản quân trận cổ tướng sĩ quốc âm văn' (1). Mỗi giao tình ấy đã 'rửa mặt' rất nhiều cho Ích. Việc ăn hành Chính phụ ngâm tân khúc này ở Bắc Thành trực hay gián tiếp có nhờ ảnh hưởng, thế lực của Thành không? Một người mới bị làm nhục khỏi chết đau đớn như Ngô thời Nhậm nay còn vinh hiển đến thế (sử sự, in sách) có phải là cái đình trước mắt nhiều kẻ khác không? Và mỗi giao tình Thành Ích kéo dài được bao lâu? Nếu việc in sách lần này (chưa đầy 10 năm đã tái bản) là cũng lại do ảnh hưởng của Tổng tài quốc sử quán Nguyễn văn Thành thì mỗi tình ấy thật lâu bền và sâu xa, nhất là lại in ở Huế như đã đoán định.

Thành chết vì cả hai cha con bị Gia Long nghi. Cử Thuyền do bài thơ. Còn Thành thì hình bộ tâu là có giao thông với Lê duy Hoán : nặng nhất là vua muốn lập Hoàng tử Đản còn nhỏ để sau tiện xoay trở, chèn ép giữa lúc ông hợp cả triều đình muốn lấy số đông chèn ép. Với ai thì nhà vua còn chần chờ chứ với vị chương trung quân là lập tức phải thu ngay ấn thụ. Cử Thuyền bị chém, Thành tự tử hay bị buộc tự tử? Tin ấy với văn quan còn ít quan hệ, chứ với võ quan thời ấy, cỡ ấy hẳn đã rung động ngay từ Bắc tới Nam và rất nhanh chóng bằng chính sự liên quan giữa các đội ngũ. Trong trường hợp này, nếu Ích quả có thân tình ít nhiều với Thành sẽ là người bị đề ý trước hết, vì tội cha con Thành có thể bị đồn đại, thời phong ghê nữa. Dù không sống thời ấy, ta cũng đoán ra : nào tru di tam tộc, nào người này, người kia bị trảm quyết, nào kai lưu trữ cái gì của đảng Thành thì..., nào Thành kết giao bọn

(1) Cảnh ngộ «định mệnh» này thật đáng cho Ích thổn thức : «Thuở trơ đời nổi cơn gió bụi. Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên. XANH KIA THẮM THẮM từng trên, VÌ AI GÂY DỰNG CHO NÊN nỗi này ! Và câu «tự tin suy minh» tác giả làm trong bài ngẫu thuật thì tác giả phải chăng... Phan huy Ích !

CHÍNH PHỤ NGÂM

cựu thần Tây Sơn, bọn phù Lê đề...v.v... Tiếc là không có những tài liệu nào của thời ấy để xem sau khi chương Trung quân chết thì đã có phản ứng nào (chứ sau khi tả quân chết, bị trị tội, lập tức chiến tranh xảy ra ngay, Phan An bị chiếm, 1831 người bị chôn chung một 'mả ngựa'). Có thể bản in chúng ta có đã bị thủ tiêu lập tức, các sách của bản in trước, — nhiều quá lắm là nghìn bản—trong các vùng lân cận đô thành tỉnh lý chứ chưa đi sâu vào thôn quê cũng liền bị những người 'phòng xa' xé, đốt 'cho nó yên thân'. Cái lối phao tin vô trách nhiệm, gây xúc động, đốt sách vở như thế là sự thông thường nhiều khi biết chả có gì đáng sợ mà vì lối lo sợ thường trực—nhất là sau mấy thế kỷ chiến tranh, mạng người như ngọc—người ta cứ xé, cứ đốt, cứ hủy diệt.

Phan Huy Ích trở lại Bắc thành, dạy nhà Lê Chất đúng năm 1816 này có là ngẫu nhiên không? Hay bị kèm chế hoặc tìm chỗ tựa nương thân cho nó qua thời qua buổi kiểu Nguyễn Khuyến dạy học nhà Hoàng Cao Khải?

Tôi sờ di phải tìm một giả thuyết là cốt để tìm cho ra cái lý do:

— Tại sao gần như không còn 1 bản Chính Phụ Ngâm tân khúc nào lưu lại thực sự (bản nhà Phan Huy có thể là chép theo khẩu truyền) ngoại trừ mỗi một bản ở nhà đại quyền quý mà tôi tìm được?

— Trường hợp Ích không thể xét như Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan. Chẳng phải đại gia, vọng tộc, trái lại, đây là một nhà văn học danh vọng còn hơn cả gia đình Nguyễn Du nữa. Tại sao Ích sống đồng thời Nguyễn Du, thơ hay gần như Nguyễn Du mà nay Kiều còn tên Du, Chính phụ ngâm tân khúc tại mất tên Ích.

— Sách có tựa, có tên ký, chứ không phải như các loại vô danh, nghĩa là loại sách khá đặc biệt đối với thời ấy. Vậy mà không ai biết Ích là tác giả. Cho đến nỗi phải đưa Đoàn thị Điểm chết

trên nửa thế kỷ. It ai còn nhớ, lên thay ! Rõ ràng là sách của hai ấn bản đầu bị tận hủy diệt.

Tôi nghĩ muốn giải đáp, chỉ có thể tìm một đại biến cố. Tôi tạm đưa giả thuyết ấy đề thử đi tìm. Dầu sao, tôi cũng hết sức dè dặt vì :

a) Có thể các ấn bản 1816 về trước vẫn còn. Nhưng sau có người sửa chữa hay hơn đem in, thấy tựa không cần thiết nữa. nên vứt đi cho đỡ tốn giấy mực. Sách đã không có tên thì tới khi cần tên, một tài liệu, một truyền thuyết vu vơ cũng có thể tạm dùng rồi nghiêm nhiên trở thành có giá trị theo lối *tiên nhập vi chủ*. Do có sách mới, người ta vứt lẫn các ấn bản cũ dờ hơn,

b) Có thể do sự lười nhác vô biên của các nhà nghiên cứu của ta. Biết đâu sách chả nằm sờ sờ đó — trường hợp bản tôi được—mà chả ai thèm đi tìm, chỉ chờ có cơ hội qua Ba Lê, La mã mà tìm cho nó về vang ! Còn các cụ xưa thì chả thèm đề ý đến Ích hay Úc, ai tác giả mà chả được ? Người ta cãi lăm với nhau, Phan Huy Chiêm chả thèm bàn vào một tiếng nhỏ dù ông có thể chỉ thêm nhiều nguồn tài liệu, (cũng nhờ thế mà tôi tin tôi còn tìm được nhiều tài liệu quý báu khác ở Huế. Tiếc là tôi ra Huế quá trễ.)

Thư đã quá dài. Xin ông cho biết ý.....

.....

.....

Trân trọng,
NGUYỄN VĂN-XUÂN

ĐÓN ĐỌC VĂN HỌC KỲ SAU :

- Thư trả lời của tòa soạn Văn Học gửi đến G.S. Nguyễn văn Xuân.
- Ý kiến của một số giáo sư chữ Nôm tại các Đại học Văn khoa và Sư phạm về bản phiên âm Chính Phụ Ngâm diễn âm tân khúc của G.s Lê hữu Mục gửi đến G.s Nguyễn văn Xuân.
- Khởi đăng một truyện dài mới nhất và ưng ý nhất của nhà văn NGUYỄN ĐÌNH TOÀN dành cho tòa soạn Văn Học đề gửi đến bạn đọc nhân dịp cuối năm 72.

Chúc Mừng

Chúng tôi vừa nhận được hồng thiệp báo tin :

Anh MAI CHƯỜNG ĐỨC

thành hôn cùng :

Chị NGÔ THỊ THANH SANG

Hôn lễ đã cử hành ngày 16-12-1972 tại Chợ Lớn.
Thân chúc anh chị ĐỨC—SANG trăm năm hạnh phúc và,
sáng tác những tác phẩm tâm đầu ý hợp.

Tạp chí Văn Học
và vợ chồng PHAN KIM THỊNH

Thân thế ...

(Tiếp theo trang 8)

Chu Thần là gì ? và những thi phẩm của họ Cao.

Nếu nhắc đến Cao Bá Quát là người ta nói đến Cao Bá Đạt hay Cao Bá Nha. Và người ta thường gọi tắt là anh em chú cháu Cao Chu Thần. Rồi người ta cũng chỉ biết là hai chữ Chu Thần đã làm cho họ Cao chết và bị chu di tam tộc, và ngược lại ít ai biết chính hai chữ Chu Thần đã làm cho người ta thán phục văn tài của họ Cao còn lại đến thế kỷ này.

Nguyên hai chữ Chu Thần là tên tự của Cao Bá Quát. Cao Bá Quát là chú, còn cháu là Cao Bá Nha, tác giả tập Tự Tình Khúc. Hiện hai chữ Chu Thần là bút hiệu của nhà thơ họ Cao và ngày nay trong kho tàng thơ văn còn duy nhất một thi phẩm của họ Cao mang tựa là : « CAO CHU THẦN THI TẬP ». Trong thi tập này gồm có 36 bài về các thể văn cộng với 566 bài về các thể thơ. Cộng thành 602 bài và viết bằng chữ Nôm và chữ Hán, nay đã được dịch giả Sa Minh Tậ Thúc Khải dịch ra Việt ngữ.

Về ca trù trong tập V.N.C.T.B.K. của tác giả Đ.B.Đoàn và Đ.T. Huê xuất bản năm 1962 cũng có trích đăng lại 16 bài ca trù của Cao Bá Quát.

Nhìn qua cuộc đời và Cao Chu Thần Thi Tập của ông Cao Bá Quát, chúng ta thấy ông quả là một người có tài, một nhà nghệ sĩ có tính bướng bỉnh rồi lại gặp thời thế có nhiều cảnh trái mắt ngang tai nên ông đâm ra bất mãn và nổi loạn. Chẳng may sự chống đối của họ Cao không gặp hoàn cảnh và ông cùng kẻ chủ mưu chống đối nhà vua là Lê duy Cự đã bị dẹp tan rã, bị xử chém nên người ta đã

gọi ông cùng nhóm Lê duy Cự là nhóm giặc Châu Chấu (1) làm loạn. Còn nếu ngược lại chẳng may thời thế lúc đó thuận tiện và Lê duy Cự cùng Cao Bá Quát thắng thế đánh đổ được triều đình vua Tự Đức thì chắc hẳn sử sách đã ghi chép là nhà thơ họ Cao là nhà cách mạng, là một chiến sĩ cầm bút đã dám đứng lên chống đối nhà cầm quyền đề đòi công bằng xã hội, dẹp tham nhũng cường hào ác bá đang đè nặng trên vai người dân lúc đó. Bởi vậy chúng ta đã thấy cảnh : *“Được thì làm vua, thua thì làm giặc”* vẫn xảy ra ở nước ta từ xưa đến nay.

PHAN KIM

(1) Sự tích gọi là giặc Châu Chấu vì lúc ông Cao Bá Quát và Lê Duy Cự nổi lên chống nhà vua thì nước ta lúc đó đang có nạn châu chấu sinh ra hàng triệu con phá tan mùa lúa làm cho dân chúng mất mùa. Bởi vậy nhà vua mới cho lệnh gọi bè nhóm Lê Duy Cự và Cao Bá Quát là giặc Châu Chấu.

ĐÃ PHÁT HÀNH :

ĐỪNG ĐUA VỚI ÁI TÌNH

nguyên tác Hoa ngữ Hải Âu Phi Xứ
Tiểu thuyết mới nhất của QUỲNH DAO
do Văn Học xuất bản.

Truyện hay ● Dầy 380 trang. Giá 420đ,

Tổng phát hành :

Ô. NHIỀU : 612/117/4 đường Bàn Cờ Saigon

SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

P.VĨNH-LỘC

**Văn nghệ sĩ nào sẽ
hy vọng lãnh 1 triệu đồng
giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật 72?**

Như mọi năm cứ vào cuối tháng 12 này thì làng văn, làng báo đã đoán già đoán non là nhà thơ nào sẽ chiếm giải nhất, nhà văn kia sẽ chiếm giải nhì về bộ môn thơ, văn ... Và có trường hợp vì người dự giải lại còn sợ đi tàu suốt, nên đã đồn đảo đi vận động cửa sau cửa trước để cho chắc ăn, vì sợ rút dài thì sự nghiệp văn học sẽ đi đông.

Năm nay Phủ Q.V.K. không phát nhiều giải thưởng với nhiều bộ môn như mọi năm mà chỉ phát có một giải bằng hiện kim 1 triệu đồng cho một văn nghệ sĩ nào đã cố công đóng góp và xây dựng cho văn hóa dân tộc từ nhiều năm nay. Và việc này Phủ Q.V.K. đã thành lập một ban tuyển chọn với sự giới thiệu của các hội, đoàn, nhóm và các cơ quan văn hóa nếu các đoàn thể nào thấy văn nghệ sĩ nào đủ tư cách và có những tác phẩm giá trị đã xuất bản từ xưa đến nay.

Theo như dự đoán của Văn Học thì người hy vọng được đề cử và giới thiệu đến ban tuyển chọn để lãnh giải là thi sĩ Vũ Hoàng Chương và kịch tác gia Vi Huyền Đắc. Vì cả hai vị này đều đầy đủ tư cách và những tác phẩm xứng đáng giá trị đã không làm hổ thẹn cho thơ, kịch dân tộc V.N.

Nếu năm nay nhà thơ họ Vũ được lãnh giải thì chắc chắn sang năm 73 kịch tác gia họ Vi sẽ đến lượt.

Còn phủ Q.V.K. nếu thấy 1 triệu to tát quá sợ phát cho nhà văn có thực tài nó phí đi, thì Phủ Q.V.K. nên chọn đại thi sĩ

Phạm đình Tân trưởng nhóm Tình Việt đến trao cho ông ta còn hơn. Vì hình như trước đây Phủ Q.V.K. có lần đã bãi phục sự nghiệp thơ văn của ông Phạm Đình Tân nên đã trao Văn hóa Bội tình cho ông ta mà.

Tác phẩm của Quỳnh Dao đang bị ba tàu ve chai đem gói «đồ»

Khoảng một năm nay tại VN những tác phẩm của nữ sĩ Quỳnh Dao được dịch ra tiếng Việt và bán rất chạy. Đa số những bản dịch này đều do các nhà văn Việt Nam tên tuổi chọn và dịch như nhà văn Vi Huyền Đắc, Đông Mai, Từ Bội Ngọc, Đặng Bình Chương.

Bọn lái sách và ve-chai ba-tàu thấy các sách của các dịch giả trên bán rất chạy, nên bọn ve-chai-ba-tàu cũng đi thuê mấy anh tàu ve-chai mới bập bẹ tiếng Việt rồi ngồi nhà đánh văn từng chữ Việt dịch truyện Quỳnh Dao định đem ra bán. Nhưng vì cái sức học của mấy tên ve-chai lái sách i-tờ nên cả mấy tháng không đọc và không hiểu nổi một truyện của Quỳnh Dao nên chúng đành khoanh tay, bỏ ý định dịch truyện Quỳnh Dao. Và chúng đành quay ra ý nghĩ phóng tác truyện Quỳnh Dao. Nghĩa là bọn ba-tàu ve-chai Cholon—Lê văn Duyệt đã lấy ý và tên truyện của Quỳnh Dao rồi bịa ra tình tiết ly kỳ và gán cho là truyện dài của Quỳnh Dao. Nhưng vì bọn ba-tàu quá dốt nát, ngu mà không khôn nên tựa ngoài sách chúng để tên là Quỳnh Dao nhưng lại quên không đề nguyên tác là cuốn gì. Bởi vậy đọc giả đã tinh ý và thấy những tác phẩm mang tên Quỳnh Dao do nhà xuất bản Loan-Hồng và nhà Tổng phát hành Thành Nam đều là đồ giả do chúng tự sáng tác ra đầu voi đuôi chuột.

Và nay thì đọc giả toàn quốc đã biết rõ bọn ba-tàu ve-chai lái giấy đang mạo hóa truyện Quỳnh Dao, nên đọc giả đã không đọc truyện Quỳnh Dao của bọn ba-tàu dịch. Bởi vậy truyện nào mang tên Quỳnh Dao mà do nhà xuất bản H.L và N.T phát hành là bị các nhà sách cho vào kho làm giấy gói hàng hoặc chùi «đồ».

Rồi mới đây người ta lại đọc thấy mấy cái tên sách lạ như : **UẤT KIM CƯƠNG** nói là của Quỳnh Dao, nhưng khi xem trong các tác phẩm do Quỳnh Dao liệt kê đã xuất bản thì không thấy. Có lẽ đây là cuốn sách thứ nhì mà chúng ta sắp phải mang gói hàng và chùi 'dở'. Và còn nhiều tác phẩm Trung Hoa khác bộn ve-chai đang ẩn hành giả như những cuốn sách của Y-Đạt nhà văn 'hip-py' của Hồng-Kông cũng đang được ba-tàu cho phóng tác và bày bán ở vỉa hè Saigon.

Có lẽ chúng ta phải làm một phong trào đả kích truyện dịch mạo hóa của giới ve-chai đang xuất bản và bày bán ở VN. Vậy bạn đọc nào có đầy đủ tài liệu và những lời phê bình về sách dịch mạo hóa của ve-chai ba-tàu xin gửi về Văn Học để chúng tôi xin đăng trong số báo sau.

Hội thảo về «Người cầm bút với sự phát triển Quốc Gia và nền Hòa Bình Quốc Tế» tại Trung Tâm Văn Bút

Trung Tâm Văn Bút V.N sáng ngày 17-12-72 đã tổ chức một buổi hội thảo về 'Người cầm bút với sự phát triển Quốc gia và nền Hòa bình Quốc tế' tại trụ sở của Trung Tâm số 107 Đoàn thị Điểm Saigon.

Cuộc hội thảo trên, theo Linh Mục Thanh Lãng, Chủ tịch Trung tâm Văn bút VN nhằm đặt người cầm bút đứng vào môi trường của con người mới, với những vấn đề mới trong một xã hội mới. Theo Linh mục Chủ tịch, những ý kiến của cuộc hội thảo sẽ được đúc kết và soạn thảo kỹ càng và sau đó Trung tâm sẽ gửi tới Trung tâm Văn bút Quốc tế để góp phần vào việc tu chính bản hiến chương của Văn bút Quốc tế đã được ban hành cách đây 50 năm. G.S Phạm Việt Tuyền đã đặt ra nhiều câu hỏi gợi ý liên quan đến quyền sáng tạo và hưởng thụ văn chương, vấn đề bảo tồn và phồ

biến văn chương, những người cầm bút đối phó ra sao trước những biến chuyển dồn dập của thế giới, người cầm bút quan niệm ra sao trước những biến chuyển dồn dập của thế giới, người cầm bút quan niệm ra sao về tự do và trách nhiệm, có nên tham gia vào cuộc sống cộng đồng không ?

G.S Phạm Việt Tuyền nhấn mạnh đến niềm người cầm bút Việt Nam có quyền và trách nhiệm gì trong việc phát triển Quốc gia VN trong thập niên 70 này ? Làm thế nào để có những cuộc đối thoại ngay thẳng giữa giới cầm bút và giới cầm quyền và giới khác trong nước ? Người cầm bút VN lúc này có thể làm được gì để xây dựng nền Hòa bình Quốc tế, khởi thủy bằng sự góp phần vào sự văn hồi hòa bình cho VN.

Các hội thảo viên, trong phần góp ý đã đặc biệt chú trọng và đồng ý với Giáo sư Phạm Việt Tuyền là văn chương có thể thay đổi nhân quan của dân tộc đối với các vấn đề chiến tranh và hòa bình, Cộng sản và tự do. Theo các hội thảo viên giới cầm bút bằng văn chương chính là một nhịp cầu khiến hai miền Nam—Bắc Việt Nam xích lại gần nhau hơn.

Các hội thảo viên cũng đồng ý là muốn làm tròn vai trò của người cầm bút trước hết phải làm tròn bổn phận của người công dân, nghĩa là người cầm bút không thể không nhập vào các sinh hoạt cộng đồng của Quốc gia.

Sau khi tổng kết ý kiến của buổi hội thảo Linh Mục Thanh Lăng cho biết sẽ chuyển các ý kiến tới Trung tâm Văn bút Quốc tế trong việc tu chính hiến chương cũ.

Buổi hội thảo trên đã quy tụ một số đông học giả, giáo sư, văn thi sĩ, ký giả VN như nhà văn Tam Lang, Học giả Đào Đăng Vỹ, Giáo sư Trần Trọng San, nhà văn Nhật Tiến, Vũ Hạnh, nữ sĩ Giáng Kiều v.v...

Nói thêm về mục tiêu và thể thức tặng giải tuyên dương sự nghiệp văn học nghệ thuật

Năm nay Tổng Thống VNCH quyết định tổ chức lần đầu tiên Giải Tuyên Dương Sự Nghiệp Văn Chương, Học Thuật và Mỹ Thuật trong khuôn khổ Giải Thưởng Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc đã phát từ năm 1969 đến nay.

Theo ông Võ Long Tế, Công cán Ủy viên Văn phòng Quốc Vụ Khanh Đặc trách Văn hóa đã cho biết như trên trong cuộc phỏng vấn đặc biệt do chương trình Người Dân Muốn Biết tổ chức, phát hình lúc 19 giờ tối Chủ Nhật vừa qua.

Theo ông Võ Long Tế, những giải thưởng trong năm vừa qua nhằm vào một tác phẩm xuất sắc có tính cách phá cách các tài năng, còn giải Tuyên dương Sự nghiệp nhằm vào toàn bộ những tác phẩm văn nghệ sĩ xuất sắc. Riêng trong năm nay, vì lý do Kỹ thuật, chỉ có giải Tuyên dương Sự nghiệp, còn sang năm 1973 sẽ tổ chức giải khám phá như những năm trước và sẽ mang danh hiệu là Giải thưởng 1972—1973.

Như danh xưng, ông tiếp, giải thưởng này nhằm tuyên dương sự nghiệp xuất sắc của những văn nghệ sĩ hoặc đã có sự nghiệp vững vàng, hoặc đã vạch ra định hướng độc đáo và quyết định này nằm trong toàn bộ chính sách sùng thượng văn hóa xét như là một đặc tính của chế độ chúng ta.

Vấn theo ông Võ Long Tế thì những văn nghệ sĩ đã có sự nghiệp vững vàng là những văn nghệ sĩ mà địa vị đã được dư luận công nhận.

Ông nói, chúng ta đều biết, dư luận đôi khi có thể sai lầm nhưng với thời gian, dư luận đối với mọi vấn đề cũng như vấn đề văn hóa thì rất công minh. Đề nêu một vài thí dụ, như giai đoạn 1925 đến 1945, đến bây giờ ai cũng công nhận là những nhà văn

trong Tự Lực Văn Đoàn là có địa vị vững vàng. Và lúc bấy giờ có một nhà văn mà địa vị chưa vững hoặc bị người ta phủ nhận như Vũ trọng Phụng. Bây giờ, sau một thời gian, người ta đã chấp nhận Vũ trọng Phụng không kém gì địa vị các nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn.

Còn về điều kiện là vạch ra định hướng độc đáo thì trong giới văn nghệ, văn hóa có nhiều nhà văn mới bước vào nghề, tuy các tác phẩm chưa nhiều, nhưng qua những tác phẩm đã xuất bản đã báo hiệu sự thành công rực rỡ trong tương lai.

Đề nêu ví dụ, ông Võ Long Tê nêu lên trường hợp văn hào quá cổ Camus. Khi được giải Nobel thì chính văn hào Camus đã nhận. mình đang nửa chừng sự nghiệp, và lúc bấy giờ người sự nghiệp đã thành là Malraux đáng được giải thưởng Nobel hơn là Camus. nhưng giải thưởng ấy đã được trao cho Camus như là một nhà văn đã vạch ra định hướng độc đáo.

Trả lời câu hỏi khác, ông Võ Long Tê cho biết bất cứ nhân vật hay cơ quan văn hóa công, tư nào cũng có quyền giới thiệu người đã đoạt giải.

Ông nhấn mạnh, chữ nhân vật được dùng theo nghĩa rộng rãi, ý nói tất cả mọi cá nhân chứ không phải có một tuổi tác hay địa vị nào. Và Cơ quan giới thiệu phải là Cơ quan văn hóa thì được tôn trọng,

Theo ông Võ Long Tê, việc giới thiệu đây, dựa vào quyền được bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền công nhận là Quyền Văn Hóa, quyền thưởng ngoạn tác phẩm, quyền hâm mộ những văn nghệ sĩ mà mình thích. Tóm lại là tất cả mọi người đều có quyền giới thiệu văn nghệ sĩ trong giải thưởng này.



NHỮNG CHỦ ĐỀ VĂN HỌC ĐÃ XUẤT BẢN

Ty trị sự Văn Học xin trả lời những bạn đọc hỏi mua những số Văn Học chủ đề đã xuất bản :

• Văn Học xuất bản số 1 ngày 1 tháng 11 năm 1962 đến số 72 ngày 1 tháng 5 năm 1967 (loại khổ lớn 15x25) và số 73 ngày 1 tháng 6 năm 1967 đến số 86 ngày 1 tháng 1 năm 1969 (loại khổ nhỏ 14x20). Tất cả từ số 1 đến 86 nội dung viết về những vấn đề văn hóa, chính trị, xã hội và giới thiệu những sáng tác mới trong hoàn cảnh những năm trên. Hiện những số Văn Học trên nay đã hết. Tuy vậy ty trị sự cũng mua lại được vài chục cuốn và đã cho đóng tập bìa vải mạ chữ vàng. Tổng cộng là 30.000 đồng một bộ trên (từ 1 đến 86). Nếu bạn nào cần dùng ty trị sự chúng tôi sẽ nhượng lại.

• Văn Học loại chủ đề từ số 87 xuất bản từ ngày 1 tháng 3 năm 1969 đến số hiện tại (Khổ nhỏ 14x20). Tất cả nội dung những tập này đều viết về một vấn đề như văn học dân gian, văn học bình dân, văn học quốc tế, và giới thiệu, nhận định cũng phê bình những văn thi sĩ tiền chiến và hiện đại trong và ngoài nước. Những số Văn Học này hiện còn ít số và ty trị sự sẵn sàng bán lại cho những bạn đọc sưu tầm làm tài liệu văn học.

• Nếu Quý bạn cần mua những số Văn Học trên, xin gửi bưu phiếu theo giá tiền ở mỗi cuốn ghi dưới đây và tính thêm 20 đồng cước phí bảo đảm. Thư và bưu phiếu gửi cho Ty trị sự xin đề tên Cô Nguyễn thị Ngọc Liên, số 449B Hai Bà Trưng (Q.3) Saigon. Đ.T. : 41.265.

Văn Học số 41 chủ đề Nhất Linh

hết

87	Tuyển tập truyện ngắn : Dương Kiền— Lý Hoàng Phong—Dương Nghiễm Mậu— Nguyễn Đình Toàn—Vương Thanh.	80đ
88	Truyện tiền chiến : Tô Hoài—Nguyễn Hồng—Nguyễn Tuân—Vũ Trọng Phụng— J. Leiba—Lưu Trọng Lư—Hoàng Cầm— Nguyễn Công Hoan	80đ
89	Khu rừng mùa xuân : Tập truyện của Vương Thanh	80đ
90	Văn học Nhật bản	80đ
91	Thơ, Truyện thời chiến : Dương Kiền— Cung Tích Biền—Ánh Việt—Dương.N.Mậu —Đỗ Tiến Đức—Nguyễn Sa—Luân Hoán— Lê Vinh Thọ—Phùng Kim Chú.	hết
92	Sáu nhà văn quốc tế : William Saroyan— Maxim—Gorki—Zobor Dery—Ignazio Silone Ernest Henningway	hết
93	Con đường khổ nhọc : Tập truyện của Dương Kiền	80đ
94	Vũ Trọng Phụng : «Dứt tình» với làng văn	80đ
95	Nam Cao : Nhà văn hiện thực của cách mạng và kháng chiến	80đ
96	Mùa hoa nở : Văn thơ kỷ niệm đệ bát chu niên	80đ
97	Vũ Hoàng Chương : «Ta đợi em từ 30 năm»	80đ
98	Bệnh tật và cái chết : Những văn thi sĩ Tân Đà—Nhất Linh—Nguyễn Văn Vĩnh— Phạm Quỳnh—Hàn Mặc Tử	80đ
99	Nguyễn Sa : Nhà thơ của tình yêu	80đ
100	Nguyễn Bính : «Lỡ bước sang ngang»	hết
101	Truyện chọn lọc : tám truyện ngắn của Nam Cao	80đ
102	Phạm Duy : Tâm ca—Dân ca và Du ca	hết
103	Thâm tâm và T.T.KH	hết
104	Thâm tâm : Và tiểu thuyết «Thuốc mê»	80đ

105	Nguyễn Tuấn : <i>«Thiếu» quê hương</i>	80đ
106	Một chuyến đi : <i>Truyện dài của Nguyễn Tuấn</i>	80đ
107	Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu	hết
108	Huyền thoại Bà Chúa thơ Nôm	80đ
109	Hồ sơ và cái chết Nguyễn Tường Tam	80đ
110	Tường nhớ Thi sĩ Tân Đà	80đ
111	Nguyễn văn Vĩnh : <i>Kiếp ve sầu</i>	80đ
112	Tiểu lâm ta, tiểu lâm tây	80đ
113	Song An Hoàng Ngọc Phách : <i>Nạn nhân của Tổ Tâm</i>	80đ
114	Vũ Trọng Phụng : <i>Xuân tóc đỏ. Mẹ kiếp ! Em chả. Biết rồi, khổ lắm nói mãi !</i>	80đ
115	Văn Cao : <i>Nghệ sĩ đa tài</i>	120đ
116	Nguyễn Nhược Pháp và Nguyễn Giang	80đ
117	Dâm và tục trong thơ Hồ xuân Hương	80đ
118	Giọt lệ của nữ sĩ Tương Phố	80đ
119	Nữ sĩ Ngân Giang : <i>Một thi tài bị quên lãng</i>	80đ
120	Xuân văn nghệ sĩ tiền chiến	130đ
121	Những vang bóng một thời trong văn chương hoạt kê VN : <i>Xã Xệ—Lý Toét—Cậu Ấm—Cô Chiêu—Bang Bạnh—Ba Giai—Tú Xuất...</i>	80đ
122	Phan Khôi : <i>Nhà nghệ sĩ trên văn đàn V.N</i>	80đ
123	Đồng Hồ : <i>Thi gia Miền Nam</i>	80đ
124	Buổi họp mặt của văn nghệ sĩ tiền chiến giữa năm 72	80đ
125	Những bí mật về thi sĩ Quang Dũng	80đ
126	Truyện thuyết những ông Trạng trong văn học dân gian	80đ
127	Tú Mỡ : <i>Cha đẻ của Lý Toét</i>	80đ
128	Hài hước trong tục ngữ ca dao Việt Nam	80đ
129	Nữ sĩ Vân Đài	80đ
130	Hôn nhân dị chủng trong thơ văn hài hước	80đ

131	Trên thân thề đó : <i>Truyện của Trang Châu</i>	80đ
132	Tam Lang : <i>Kéo xe nửa thế kỷ văn chương</i>	80đ
133	Đỗ Chiêu : <i>Ngôi sao sáng trong thơ văn yêu nước</i>	80đ
134	Dương Kiền : <i>Nhà văn trẻ trên sân khấu Văn học và chính trị</i>	80đ
135	Bru Hoa và Nghệ Thuật	80đ
136	Phú Đức : <i>Tiểu thuyết gia Miền Nam</i>	80đ
137	Nhà văn và thuốc phiện	80đ
138	Văn nghệ sĩ và thú hát ả đào	80đ
139	Hữu Loan : <i>Một bài thơ 10 năm tù ngồi</i>	80đ
140	Sự thật về nhà thơ Quang Dũng	80đ
141	Hoàng Cầm : <i>Nhà thơ kháng chiến</i>	80đ
142	Bệnh tật và cái chết : <i>Trần trọng Kim— Tchya—Đồng Hồ và bệnh tật của Ngu I.</i>	80đ
143	Nhà văn nói chuyện chuột	150đ
144	Tiơ và tiểu thuyết Nhật bản	80đ
145	Tam Ích : <i>Một học giả tự tìm cách chết</i>	80đ
146	Thơ, truyện Phi Châu	80đ
147	Rượu qua thơ, văn Hoa—Việt	80đ
148	Phan chu Trinh : <i>Ngồi tù làm thơ</i>	80đ
149	Duyên Anh và thế giới tuổi thơ	80đ
150	Những phụ nữ lưu danh trong Thi đàn Việt Nam	80đ
151	Tìm hiểu quốc kỳ và quốc ca VN	80đ
152	Ái tình và thi sĩ	90đ
153	Khám phá danh tính Chính phụ ngâm	90đ
154	Thi nhân và mùa thu	90đ
155	Nghĩ về tiểu thuyết	90đ
156	Hiện tượng đọc truyện Quỳnh Dao	90đ
157	Ý nghĩa của truyện cười	90đ
157	Phạm Quỳnh : công hay tội	90đ

TRUYỆN DÀI **SỐNG MÒN.** (*)

Giới thiệu : Nam Cao là một nhà văn kháng chiến có khuynh hướng xã hội. Ông đã chết năm 1951 tại Ninh Bình (Bắc Việt).

Giới thiệu về văn nghiệp Nam Cao giáo sư Nguyễn văn Trung đã viết như sau :

« Có những tác giả hay tác phẩm chỉ vì nhờ thời cuộc may mắn mà được biết tới và đôi khi được ca tụng một cách quá đáng. Ngược lại có những tác giả hay tác phẩm cũng chỉ vì những biến cố lịch sử không thuận tiện mà bị bỏ quên. Nhưng nếu lấy tấm lòng vô tư và chỉ căn cứ vào tiêu chuẩn nghệ thuật mà kiểm điểm, rất nhiều nhà văn lớn chưa hẳn thực sự lớn, và rất nhiều nhà văn ít được biết thực sự lại là những nhà văn lớn. Theo ý tôi Nam Cao là một trong những nhà văn thuộc vào trường hợp thứ hai đó. Ông đã mất sớm và để lại ít tác phẩm. Nhưng sự đóng góp bé nhỏ này thật đặc sắc về phẩm chất (1).

Hiện nay người ta chỉ biết Nam Cao qua truyện ngắn mang tên Chí Phèo. Vì truyện ngắn này Nam Cao nên đã trở hàng nhà văn lớn. Nhưng ngoài ra người ta chưa biết Nam Cao đã viết truyện dài và làm thơ rất hay không kém những truyện ngắn mà ông đã sáng tác.

Vì vậy tạp chí Văn Học đã sưu tập truyện dài Sống Mòn, di cảo cuối cùng của Nam Cao viết xong năm 1944 tại chính quê hương của tác giả là làng Đại Hoàng (Nam định). Nhưng vì biến cố chiến tranh nên bản di cảo này lúc đó không đăng được. Nay chúng tôi may mắn giữ được di cảo này và hân hạnh đăng tải lại để gửi đến bạn đọc.

Chúng tôi cũng xin bạn đọc lưu ý truyện Sống Mòn này đã được đăng 3 kỳ trên Nguyệt san Nhân Văn số 11, 12, 13 nhưng đến nay Nhân Văn không thể ấn hành được nên tạp chí Văn Học xin đăng tiếp Song Mòn để bạn đọc theo dõi và cắt giữ làm vau liệu.

VĂN-HỌC

(*) Đọc từ Nguyệt san Nhân Văn số 11, phát hành tháng 4-1972 và Văn Học từ số 148 đến số hiện tại.

(1) Xem Văn Học số 95 chủ đề Nam Cao.

vợ con. Ông không có vẻ thợ thuyền. Ông có vẻ là một dân làm bàn giấy một sở tư nào đó. Quần áo tây, tuy chẳng sang gì, nhưng toàn màu trắng, chứ không màu vàng, hoặc màu xanh. Bao giờ cũng đủ quần với áo. Có khi lại cả ca-vát nữa. Ông về bằng xe đạp mà hay về tối lắm. Sáng cũng hay đi sớm. Hình như ông có ý thẹn vì vợ, vì con. Thứ chưa bao giờ thấy ông có một cử chỉ hay một lời nói nào thân mật với vợ, với con. Ông làm như không buồn nhìn đến vợ con. Ông khinh khỉnh, lạnh lùng, thường có vẻ mặt và bộ điệu của một ông phán nói với dân quê. Những tối có ông nhà, hai đứa trẻ con không hát.

Trông thấy vợ chồng ông, Thứ không thể không nghĩ đến vợ chồng mình. Giá y đứng với Liên thì người ngoài trông cũng na ná thế thôi. Cũng chồng diện tây, vợ đặc nhà quê. Người lạ có thể bảo là chủ với con sen, chị vú... Tuy vậy, Thứ ghét ông. Ghét nhất là cái thói khệng khặng, không phải lối của ông. Ông coi vợ chẳng khác gì con hầu, đầy tớ. Hôm nào về đến cổng mà thấy cổng đóng rồi, ông bóp chuông xe đạp để gọi vợ ra. Bà vợ đạp rồi mới mãi một chạy ra. Bà mở cổng xong, đỡ lấy cái xe đạp cho chồng. Ông chồng ung dung hai tay không, đi trước vào nhà. Bà vợ tựa cái xe đạp vào tường, cài cổng, rồi mới nâng niu giắt cái xe đạp vào sau. Bà vác cái xe đạp lên, rất cẩn thận vào nhà. Bà mượn cái chậu thau nhà ông Học, lấy nước cho chồng rửa mặt mũi, tay chân. Sáng sớm hôm sau, bà lại vác cái xe đạp ra sân, lấy giẻ, chậu thau nước, để ở trước cửa, đợi chồng. Ông chồng rửa mặt, mặc quần áo xong, chỉ việc cất lấy cái xe đạp ở tay vợ, ra đi. Có hôm cổng chưa kịp mở, bà còn phải giắt cái xe đạp ra tận cổng để mở cổng cho chồng nữa. Trông thấy người chồng chẳng quê chẳng cụt gì, mà cứ để cho vợ làm như thế, Thứ cho là chương

lắm. Chương nhất là một hôm Thứ lại nghe thấy ông gọi vợ là « mầy » và sai :

— Đem đánh đôi giầy đi cho tao !

Bà vợ đem đôi giầy khỏ ra hè, lau lau, chùi chùi mãi, rồi bôi kem, rồi cọ, rồi ngấm nhúa, quí hóa trân trọng lắm. Đôi lại có những cái tức như thế được. Thứ muốn giật xoét lấy đôi giầy quăng ra đường hay sang chuồng ngựa. Y muốn chửi vào mặt người đàn ông hay gây sự, đánh cho anh ta một trận. Y muốn gào cả vào tai người vợ :

— Nhịn nhục quá là dễ tiện. Người đàn bà sinh ra không phải để làm nô lệ !..

Thứ trọng người, trọng phẩm giá của con người. Y không thích sai ai dù là một đứa trẻ con. Theo y, đây đó là những người giúp việc, không phải là những kẻ dễ sai; những việc gì chính mình có thể làm được, có thì giờ để mà làm, thì không nên bắt chúng làm. Dù bức đến đâu, y cũng không thề nào ngồi ăn mà bắt một thằng nhỏ đứng quạt hầu. Vợ, đối với y, phải là một kẻ ngang hàng, không phải là một người dưới quyền chồng. Ở nhà quê y, người ta đánh vợ, chửi vợ như chửi chó, chửi mèo. Y cho là những quân lục súc, vũ phu, quen bắt nạt xó nhà. Còn y, y đã bảo thẳng với Liên : « Tôi không có quyền được đánh mình, nếu tôi tự tát mình một cái, ấy là tôi coi mình không còn phải là người ngang hàng tôi nữa; mình đã là người tôi khinh, tôi ghét; nghĩa là chúng mình sẽ bỏ nhau tức khắc ! ». Y vẫn tưởng tất cả những người có học một chút, đều nghĩ như y vậy. Y không hiểu nổi người chồng có vẻ con người có học mà lại bắt vợ vác xe đạp và gọi vợ bằng « mầy » kia ..

Y lại còn không hiểu tại sao ông ta không ăn cơm ở nhà với vợ, con ? Ông ăn cơm ở sở chẳng ? Có sở nào thòi cơm luôn cho các nhân viên ! Hay là ở xa quá, không tiện về ông về ? Thì ít ra ông cũng phải ăn cơm bữa chiều chứ ! Thử đoán rằng ông thích ăn cơm trọ một mình để được ăn ngon, sợ ăn với vợ con thì phải ăn kham khổ quá. Y lấy làm lạ rằng có người lại có thể sung sướng một mình như thế được. Nhưng y lại ngẫm đến y. Thì chính y chẳng cũng sung sướng một mình đó ư ?

Một hôm, nhờ bà cụ Hà rủ rón hỏi bà kia, mọi người mới vỡ lẽ ra rằng ông ta có vợ hai. Người vợ hai có vốn liếng có cửa hàng, đã bỏ tiền ra chạy cho ông một việc làm. Bởi thế mà ông ấy nể người vợ hai hơn, ăn với vợ hai, để người vợ hai có quyền hơn. Còn người vợ cả, bởi không có tiền, mang tiếng là vụng dại, nên đành chịu lép... Bà Học làm như người ghen hờ:

— Chịu lép là chịu lép thế nào ? Tôi mà thế thì nhất định là không ức được tôi. Có lắm tiền, có giỏi giang mấy đi nữa thì cũng là lấy chồng tôi. Lấy chồng tôi thì phải chịu quyền tôi. Chực lần át tôi là không thể được ! Sao như vậy mà bà chịu được ?

Bà hỏi bà kia như vậy. Bà kia chép miệng :

— Không chịu thì biết làm sao được ? Mặc cái tại chồng mình. Chồng mình có mê nó thì nó mới bắt nạt được mình.

Bắt nạt là bắt nạt thế nào ? tôi thì tôi xé xác nó ra !

— Xé xác nó ra cũng chẳng được gì ? Chỉ tỏ người đàn ông ghét. Thà chịu ngay nước lép đi thì người ta còn thỉnh thoảng đi lại với mình. Làm mất mặt, mất nhạt thì người ta mặc kệ, bắt lại đoái hoài, đã làm gì được người ta ? Thôi ! Tôi thì

ai chê là ngu, là dại tôi đành chịu, nhưng tôi chỉ chịu nước lép ngay đi cho rồi !

Bà nói xong thở dài. Mặt bà buồn rười rượi. Bà Học chỉ tức lây, mà cũng tức thật lâu. Bà lăm nhăm, nghiêng ngấu mãi không thôi. Bà Hà nhìn ông Học, cười : Hé ! Hé !... U em có vẻ mừng. Nhân một lúc bà kia có một mình, u em ẵm em lại gần bà ...

— Thế ra ông ấy nhà bà cũng có vợ hai đó ư, bà ?

— Có vợ hai l...

Bà kia vừa chép miệng đáp, vừa nhìn đi như chẳng muốn người ta bàn tán lời thôi nữa làm gì. U em hấp tấp bảo ngay :

— Thế thì cảnh bà cũng rứa cảnh tôi !

Thị nói như thề reo lên. Mặt thị có một vẻ gì như vừa mừng rỡ, vừa tự đắc, Thị kể lể lầu ta lầu lầu :

— Chồng tôi cũng vậy. Chồng tôi cũng mê con đi. Con đi thì cũng chẳng dám làm gì tôi, nhưng tôi chỉ tức cái nó có tiền nó mở cửa hàng buôn bán với nhau. Nó chẳng phải làm gì, chỉ ăn trắng mặc trơn, ngồi phئن phئن suốt ngày, trông hàng. Tôi phải mở cửa, đóng cửa, thối cơm, nấu nước, như con ở, tôi không chịu được. Tôi tức mình đi ở thế này. Mình làm lấy, mình ăn. Hầu hạ thì chẳng thà hầu hạ người ngoài, tội gì mà hầu hạ con đi, nó bám hơi chồng mình mà lại còn đòi sai bảo mình !

— U em chưa có con thì mới làm thế được. Tôi mà cũng nghĩ liều thế thì con tôi khổ ?

— Tôi cũng có con đấy chứ ! Tôi được một đứa con trai lên năm với một đứa nữa được hai năm,

— Thế chúng nó đâu rồi ?

— Ấy, thằng lớn thì bố nó nuôi, Còn thằng bé, bố nó cũng đòi nuôi mãi, nhưng tôi tức con đi, tôi không cho nuôi. Tôi bảo «Mỗi người nuôi một đứa.» Tôi gửi bà cháu ở nhà quê, rồi tháng gửi tiền về nuôi.

— Con tôi nó không chịu thế. Chẳng đứa nào chịu đi với bố. Đứa nào cũng chỉ bám lấy mẹ thôi.

— Thế bà lấy gì mà nuôi chúng nó được ? Bà làm thì khéo lắm chỉ đủ bà ăn. Mỗi tháng ông ấy có cho bà đồng nào không ?

Bà ngập ngừng một chút rồi mới bảo :

— Cũng có. Không thì tôi nuôi chúng nó làm sao được ? Mỗi tháng, bố chúng nó cho ba đồng...

Thế mà bà ta chiều chuộng chồng như vậy !... Nói với chồng, bà vâng, dạ hẳn hoi. Thứ ngấm ngấm, cho rằng đàn bà tốt hơn đàn ông, nhẫn nại hơn, nhiều đức hy sinh hơn. Số đàn bà bị tình phụ cũng nhiều hơn số đàn ông. Y nghĩ đến bà ngoại y, bị chồng bỏ đi từ năm mới hăm hai. Y nghĩ đến bà ngoại Oanh, chồng chết từ năm mới hai mươi tuổi, mà cũng đánh ở vậy nuôi con. Y nghĩ đến bao nhiêu những người đàn bà bị chồng vì mê vợ ẽ mà ruồng bỏ, sống âm thầm và cam chịu, không liều lĩnh, không lphấn uất, có bao nhiêu người đàn ông đã im lặng mà chịu đựng được như thế ấy ?... Y nghĩ đến Liên và thấy thương Liên một cách thấm thía vô cùng. Y sực nhớ ra rằng Liên hiện đang bị ốm nặng, theo lời Đại nói hôm nào. Ho ra máu... đó không phải là một bệnh thường đâu. Người ta chết vì bệnh ấy là thường* Nếu Liên chết bây giờ thì chẳng hóa ra cả một đời lấy chồng của Liên khổ lắm ư ? Liên khổ vì y đã nhiều rồi, Liên khổ vì gia đình đã nhiều rồi, Liên chưa có lúc được đền bù. Gia đình Liên rất

cũng sẽ thương Liên, ái ngại cho Liên, vì vẫn tưởng Liên bị chồng giận và ghê lạnh. Có lẽ chính Liên cũng có lúc ngờ như thế... Thứ nghĩ xa, nghĩ gần như vậy. Ý tưởng tượng ra lúc hấp hối của Liên, bàn tay giá lạnh của Liên trong bàn tay nắm chặt của y, đôi mắt Liên đầm đìa nước mắt, nhìn y như oán trách. Và đôi mắt đau đớn của mẹ Liên. Và những câu hò nào nuốt của bà, vừa thương cho con, vừa chi chiết rề. Và y, thất vọng và khổ sở trước sự *chẳng còn sửa chữa làm sao được nữa!* Có biết bao nhiêu người đã phải chịu qua sự ân hận ấy rồi? Tận đến lúc người yêu chết, họ mới chợt nhận ra rằng mình đã quá ơ hờ, mình đã làm khổ người yêu hay rất có thể làm cho người yêu sung sướng mà chẳng khó khăn gì, nhưng đã chẳng làm. Trước cái chết của một người yêu, có biết bao nhiêu người đã phải tiếc rằng mình đã không tử tế!...

Ngay tối hôm ấy, khi San đi học rồi, Thứ đứng cửa buồng, nằm viết cho Liên một bức thư, lời lẽ rất yêu đương. Y bỏ hẳn cái giọng lạnh lùng, mọi khi vẫn dùng để viết cho Liên, sợ thư có thể lọt vào tay bà hay bố mẹ y. Lần này, y nghĩ rằng y chẳng cần gì phải quá giữ gìn. Yêu thương vợ con có phải là một cái tội đâu? Vậy y cứ thật thà hỏi thăm Liên về bệnh trạng của Liên. Y nói tất cả nỗi lo lắng của y ra. Y bảo Liên nên cẩn thận giữ mình, đừng lo buồn, phiền não quá; đến nỗi sinh bệnh hoạn; Liên nên uống thuốc đi, và nếu bệnh không giảm thì phải cho y biết ngay, để y về mà chạy thầy, chạy thuốc. Y tỏ ra y săn sóc đến sức khỏe của Liên nhiều lắm...

Muốn cẩn thận, y gửi bức thư ấy cho người em ruột Liên, nhờ đưa tận tay Liên, để bức thư khỏi có thể lọt vào tay người nhà y.

XVI

Oanh nói về những giấc mộng của y :

— Tôi có một cái khiếu lạ, là có thể trông thấy trước những việc sắp xảy ra. Đời tôi, vào những dịp quan trọng, tôi thường có những giấc chiêm bao, về sau nghiệm ra đúng lắm. Hồi tôi học hết ban tiểu học, tôi muốn học lên ban sư phạm lắm, nhưng ba tôi, nhất định không cho học. Ba tôi không thích cho con gái học nhiều. Tôi thì lại quyết học cho bằng được. Tôi khóc lóc với má tôi. Má tôi cho vụng tôi tiền để tôi lấy các giấy tờ, gửi đơn thi. Rồi đến hôm thi, tôi phải đi thi vụng. Ngay đêm hôm mới thi xong, còn phải chờ kết quả, tôi nằm mơ thấy tôi đã được vào học trường sư phạm, tôi thấy rõ rệt cả cái trường thế nào, lớp học thế nào, bà giáo là người như thế nào... Về sau, đúng hết. Những cảnh trong mộng, cả đến hình dạng, nét mặt bà giáo, in như sự thật... Trước khi má tôi chết, tôi cũng chiêm bao thấy một cảnh nhà thương, má tôi nằm trên một cái giường sắt, tôi ngồi một bên, khóc lóc. Đến khi tôi ra Hà nội, kiếm việc làm. Tôi chiêm bao thấy trước sở tôi làm. Đêm hôm nọ, tôi nằm mơ thấy tôi về nhà Đích. Sáng hôm sau, tôi tả lại tất cả cho thằng Đại nghe : nhà Đích có mấy cái nhà, cái nào lợp ngói, cái nào lợp rạ, cái gạch như thế nào... tất tất l... Thằng Đại nhận là đúng cả. Thế có lạ không ?

Thứ mỉm cười. Y chẳng tin một chút nào. Oanh muốn chiêm bao thì cứ việc chiêm bao ! Nhưng chớ vội mừng ! Thứ biết

trước rằng đến khi về nhà Đích, y sẽ gặp được nhiều điều khác xa những cái y vẫn thường tưởng tượng. Trước hết là nhà Đích chỉ có cái mẽ bề ngoài, chứ thật ra cũng không giàu. Thế mà bà ông bà đặc nhà quê, quanh năm phải đầu đội vai mang, chân lấm tay bùn. Họ sẽ phải chường mắt vì cô nàng dâu đặc tân thời, tóc búi, áo chùng lượt thướt, quần trắng buông kín gót chân, lúc nào cũng lẹp kẹp đôi giày, đôi dép. Không hiểu lúc bấy giờ, Đích sẽ nghĩ thế nào ? Nhưng giá phải Thứ thì Thứ sẽ ngượng lắm khi thấy vợ thì ruôn ruốt như một bà tham, ngồi tréo kheo trong nhà đọc nhật trình, trong khi bố hay mẹ, quần xăn đến háng, trầy trầy ở ngoài vườn, bỏ phân cho mía hay tưới nước cho rau cải. Ở nhà quê chỉ những cái không hợp cảnh, không xứng đáng như vậy, cũng đủ cho người ta lấy làm câu chuyện đem ra mà cười mỉa. Hồi mới về nhà chồng, Liên chỉ có hai cái áo cánh trắng trức bầu thối, chứ có sang trọng gì đâu ! Thế mà bà mẹ Thứ đã cho là ngoa ngoét quá rồi. Bà nói ra, nói vào, tìm những lời bóng gió, xa xôi, cố cho Liên hiểu rằng nhà bà là nhà làm ăn, về nhà bà thì chỉ mặc nâu sòng, chứ ăn trắng mặc trơn thì không được. Liên phải đem nhuộm nâu hai cái áo đi, bà mới thôi, không nói nữa. Như vậy đó ! Oanh và Đích muốn lấy nhau thì cứ việc lấy nhau ! Nhưng lấy nhau rồi, thì nên dắt nhau đi biệt một nơi, xa hẳn bố mẹ anh em, mà sống với nhau. Đừng nghĩ đến nhà ngói, nhà gianh, sân gạch, tường hoa... nhà Đích làm gì, cho thêm rắc rối...

Cố nhiên là Thứ giữ kín những ý nghĩ ấy cho một mình y. Oanh cười và tiếp :

— Đêm hôm qua tôi lại chiêm bao... Tôi chắc rằng Đích sắp về. Chú sắp sửa lại phải mừng đám cưới !

— Thế sao cô bào đi, chứ không đợi Địch về ?

— Tôi định thế nhưng bây giờ lại đợi. Không có họ hàng đôi bên, chẳng biết có làm hôn ước được không ? Và lại tôi cũng còn phải đợi Địch trả lời. Biết rằng tôi đi, có cách gì kiếm ăn thêm để vợ chồng đủ sống không ? Thư tôi gửi đi lâu lắm rồi mà vẫn chưa thấy thư về. Có cái gì như báo trước cho tôi biết rằng Địch sẽ về, để làm lễ cưới hẳn hoi. Có khi Địch im im đi như thế, rồi đột nhiên về, để cho chúng mình sững sốt.

Thứ sa sầm mặt. Thế nghĩa là thêm một lần nữa, Oanh đã đánh lừa y. Nếu y nhất định đợi Địch và Oanh tự ý tăng lương hay nả cái trường ra cho y, thì y còn phải đợi một nghìn năm, một vạn năm !... Và lại cứ lần khăn như vậy mãi, để làm gì ? Người biết tự trọng đòi những cái gì là quyền hạn của mình, không bao giờ đợi sự thi ân. Xin là nhục. Trông mong sự tử tế của người ta là nhục. Phải biết giành giật lấy. Cái thái độ của y từ trước đến nay là cái thái độ của một kẻ nhu nhược, không phải là cái thái độ của của một kẻ có tinh thần tranh đấu. Chắc Oanh đã cười thầm y mãi !--- Y nghĩ vậy. Trong người y, máu giận sôi lên sùng sục. Y từ biệt Oanh, đi thẳng về nhà. Trong lúc đi đường, những lời lẽ răn ròi của một bức thư, gần như cứ tự nhiên tuôn ra khỏi óc y. Chúng vang lên, mạnh mẽ, hùng hồn. Chúng có hình, như những viên đạn, những mũi tên, mà một sức mạnh ngấm ngấm ở bên trong, đang chực đầy vọt ra. Mặt y gân guốc. Mắt y này lửa. Tay y nắm chặt, thỉnh thoảng lại khẽ vung một cái, nhịp theo ý nghĩ. Về đến nhà, y lấy giấy bút viết ngay. Y viết rất nhanh, ngoáy lia lịa, nét bút đưa mạnh và cứng cáp. Y viết một mạch

hết bức thư. Viết xong, y bỏ phong bì, gửi đi ngay, sợ nửa giờ sau, nghĩ lại, lại nề nang, và không dám gửi đi cho Địch nữa.

Khi bức thư đã bỏ vào hộp thư rồi, quả nhiên y bối hận. Nghĩ đến lúc Địch đọc thư, y thấy mặt nóng lên, Địch sẽ nghĩ thế nào ? Đã đành xưa nay, Địch chẳng tử tế gì. Nhưng có ai chịu nhận rằng mình không tử tế bao giờ ? Chỉ biết rằng bề ngoài Địch vẫn tử tế với y. Địch lại thường tỏ ra thích sấn sóc đến y. Anh, em vẫn lấy tình nghĩa ăn ở với nhau. Thế mà đột nhiên y trở mặt, cư xử một cách ráo riết quá, chẳng còn kể gì tình nghĩa. Chắc Địch sẽ cho y là đều lắm...

Nhưng dầu sao thì sự cũng đã rồi. Cái thái độ của y bây giờ đã rõ ràng. Y tắc lưỡi và tự bảo :

— Ta chẳng cần ai báo ta là người tử tế. Ta chỉ cần đừng ai nghĩ rằng ta là một thằng quá hiền lành, người ta muốn bắt nạt thế nào cũng được.

Y lại cho rằng y cũng cần phải tỏ rõ thái độ cho Oanh biết. Sáng hôm sau, gặp Oanh, y bảo :

— Nghỉ hè năm nay, tôi sẽ cho học trò lớp nhất nghỉ ngay từ đầu tháng sáu tây. Cho chúng nghỉ trước mười ngày để rồi chúng đi thi. Học trò lớp nhì thì hoặc cũng nghỉ luôn, hoặc sẽ để cho cô hay anh San dạy. Tôi sẽ về nhà quê nghỉ ngay từ đầu tháng.

Oanh liền giãy nảy lên, nhất định không nghe. Y muốn rằng học trò lớp nhất phải học cho tận đến lúc đi thi để chúng khỏi quên Thứ văn lạnh lùng :

— Quên hay không, mặc chúng ! Tôi chỉ biết tôi đã làm đủ bổn phận của tôi rồi. Tôi mệt lắm. Tôi cần phải nghỉ. Đó

là một lễ. Lễ thứ hai là về tháng sáu tây, học nửa tháng, thu tiền nửa tháng, lương chúng tôi cũng chỉ có nửa tháng thôi. Mười đồng bạc ra gì ? Tiêu vào nửa tháng ở lại đây, không chắc đủ. Thà về năm khềnh ở nhà cho sướng cái thân một chút.

Oanh hơi gắt lên một chút :

— Đã đành như vậy. Tôi, tôi cũng chẳng ham gì nửa tháng lương. Tôi cũng đang muốn nghỉ đây ! Nhưng ít cùng ra, mỗi người cũng phải làm xong bốn phận của mình đã chứ !

— Thế nào là bốn phận ? Tôi chỉ có bốn phận dạy học, khi nào tôi lấy tiền của của nhà trường, cũng như nhà trường chỉ phải trả tiền tôi, những tháng tôi dạy học. Nghỉ ngày nào, tôi mất lương ngày ấy. Vậy thì tôi muốn nghỉ bao nhiêu thì nghỉ; miễn là tôi không lấy lương của nhà trường. Cò cũng vậy. Anh San cũng thế. Nếu chúng mình cũng nghỉ cả, thì chỉ việc đóng cửa trường cả tháng sáu tây.

— Nhưng còn tiền nhà, tháng ấy, lấy vào đâu ?

— À, cái đó là việc của ông Đích phải lo. Ông ấy ăn lãi quanh năm thì đến tháng lỗ, ông ấy chịu. Chúng mình không cần lo họ.

Oanh cứng họng, không còn nói sao được nữa. Y hơi đỏ mặt. Chắc y cũng hiểu Thứ nói kháy y về cái chỗ y dồn tất cả cái trách nhiệm về cái trường này cho Đích. Thứ ương ngạnh, tiếp :

— Chưa chắc tôi có dạy những tháng nghỉ hè. Tôi sẽ tìm một chỗ dạy ở tỉnh nhà, để thỉnh thoảng về nhà chơi cho tiện.

Trong kỳ nghỉ hè. ít học trò. Nhà trường cũng chẳng lợi lộc gì mà cần cho tôi dạy !

Oanh cười nhạt. Y biết rằng Thứ cố ý moi móc y, làm khó dễ cho y. Nhưng y lại biết rằng lúc này không nhịn Thứ, không xong. Nến Thứ chủ ý làm cho nhà trường lụn bại đi, thì cố nhiên là y có đủ cách mà làm được. Oanh đành nhịn. Càng thấy Oanh nhịn, Thứ càng nhận ra rằng Oanh còn thiết nhiều đến cái trường. Nhật đã rõ ràng là xưa nay Oanh chỉ đánh lừa, Oanh chỉ rử Thứ bằng hy vọng. Thứ hy vọng một ngày kia được cái trường, nên cố chịu thiệt mà dạy cho Oanh mãi. Cho rằng mình đã mắc mưu một kẻ đàn bà, đã ngoan ngoãn để cho người ta xoa đầu như một đứa trẻ con. Thứ rất bức mình. Y càng thấy giận Oanh. Lúc ăn cơm, y bảo với San.

— Đầu tháng sáu tây, tôi nghỉ thật. Lớp nhất thì hoặc là nghỉ, hoặc là Oanh dạy. Còn lớp nhì thì anh sát nhập vào với lớp nhì năm thứ nhất của anh mà dạy. Anh sẽ được thêm chỗ lương ấy của tôi để mà trả tiền nhà với tiêu pha. Ăn thì bởi còn có một mình anh, cố nhiên là bà Hà không thể nhận rồi. Anh sẽ lên trường. Miễn cho xong nửa tháng ấy đi. Rồi chúng mình sẽ liệu. Chưa biết chừng, tôi sẽ tìm một trường khác cho anh và tôi dạy. Oanh muốn tìm đâu ra những người thay chúng ta thì tìm !

San tán thành ngay. Y lại báo :

— Tôi cũng đã nghĩ mãi rồi. Một là chúng mình phải có một cái trường của chúng mình. Hai là chúng mình về quách nhà quê giữ con cho vợ chúng mình làm. Đi dạy học thế này, chẳng ra gì. Chúng mình khổ, vợ chúng mình cũng khổ. Tính không tính

hắn, nhà quê không nhà quê hắn. Suốt đời cứ dờ dang mãi thế, chẳng có một cái gì vững chãi. Rồi có ngày chết đói !

Tiếng San nhỏ nhỏ, buồn buồn. Mặt y tối sầm những lo âu. Y quả có vẻ đã chua chát ngẫm nghĩ nhiều về cái kiếp lờ dờ của y. Chắc cũng đã nhiều lúc, y ân hận rằng mình đã ra đi. Làm đã chẳng có tiền, vợ ở nhà lại sinh điều nợ tiếng kia. Có hay không, vì hạnh phúc gia đình của y cũng đã bị một chỗ mẻ lớn rồi. Đến việc thi cử, bây giờ xét kỹ cũng hơi thấy chán. Đổ ẹt, nào có dễ gì đâu ! Mà mãi đến lúc y đổ ẹt, chưa chắc mảnh bằng có còn giá trị. Đến *chợ hết quả* là thường lắm ! Y ngao ngán bảo :

— Ai biết sau cuộc chiến tranh này, số phận bọn *đồ tây* chúng mình sẽ ra sao ? Tôi lo rồi lại đến như bọn đồ nhọ lớp trước...

Kề ra thì tin tức chiến tranh cũng chẳng có gì đáng lạc quan. Ông Paul Reynaud tuyên bố : « Chúng tôi chiến đấu đằng trước Paris, chúng tôi chiến đấu đằng sau Paris... » Lòng tin tưởng của những người vẫn một mực tin tưởng mãi từ trước đến nay, cũng đã bị lung lay. Không khí nặng nề. Giông tố sắp bùng ra. Trán tối sầm, mắt lo âu, mọi người lo lắng đợi...

San suy tính :

— Càng những lúc này, chúng mình càng thấy rõ rằng chỉ học nghề là chắc chắn thôi ; Một người có nghề ở trong tay gặp thời nào, ở chỗ nào, cũng không sợ chết.

Thứ không đáp. Y ngẫm nghĩ. Mặt y hăm hăm và đôi môi bị bặm lại. Rồi y hẳn học bảo :

— Kiếp chúng mình tức là. Sao mà mà cái đời nó tù túng, nó chật hẹp, nó bần tiện thế ! Không bao giờ dám nhìn cao một tí. Chỉ những lo ăn, lo mặc. Hình như tất cả nguyện vọng, tất cả mong ước, tất cả mục đích của đời chúng mình, chỉ là mỗi ngày hai bữa. Bao nhiêu tài trí, sức lực, lo tính đều chỉ dùng vào việc ấy. Khổ sở cũng vì thế, nhục nhã cũng vì thế, mòn mỏi tài năng, trí óc, giết chết những mong muốn đẹp, những hy vọng cao xa cũng vì thế nốt. Lúc nào cũng lo chết đói, lúc nào cũng lo làm thế nào cho không chết đói. Như vậy thì sống làm gì cho cực ?

Thứ vẫn không thể nào chịu được rằng sống chỉ là làm thế nào cho mình và vợ con mình có cơm ăn, áo mặc thôi. Sống là để làm một cái gì đẹp hơn nhiều, cao quý hơn nhiều. Mỗi người sống, phải làm thế nào cho phát triển đến tận độ nhưng khả năng của loài người chứa đựng ở trong mình. Phải gom góp sức lực của mình vào công cuộc tiến bộ chung. Mỗi người chết đi, phải để lại một chút gì cho nhân loại. Có thú vị gì là cái lối sống co quắp vào mình, cái lối sống quá ư loài vật, chẳng còn biết một việc gì ngoài cái việc kiếm thức ăn đồ vào cái dạ dày. Có ai muốn gục mặt xuống làm gì ? Đau đớn thay cho những kiếp sống khaeo khát muốn lên cao nhưng lại bị áo cơm ghi sát đất. Hỡi ôi ! Người ta đã phí bao nhiêu tâm huyết, bao nhiêu công lao để giải thoát loài người. Giê-su đã phải đổ máu ra. Thích Ca đã phải từ bỏ tất cả những phú quý vinh hoa của đời mình. Vô ích cả, chừng nào nhân loại chưa thoát khỏi những xiềng xích của cái đói và cái rét. Thứ thường có những lúc sức nhớ đến những cao vọng của mình xưa, ngán ngẫm buồn, tiếc cho mình. Y cứ định

minh rằng giá y không bị nghèo thì có lẽ y không đến nỗi dồn nén quá thế này đâu. Có lẽ y đã làm một cái gì. Biết bao nhiêu tài năng không này nọ được, chỉ vì không gặp được một cái hoàn cảnh tốt !...

Y mỉm cười chua chát, hỏi San :

— Nếu gia đình anh có cách sinh nhai chắc chắn rồi, anh có thể chỉ nghĩ đến anh thôi, thì anh sẽ làm gì ?

— Tôi học vẽ. Tôi thích vẽ ngay từ hồi mười ba, mười bốn tuổi. Ông giáo nào cũng phải đề ý đến cái khiếu vẽ vẽ của tôi và bắt tôi vẽ những bức tranh treo trong lớp. Giá tôi được học, chắc tôi cũng có thể thành họa sĩ.

— Tôi thích làm việc gì có ảnh hưởng đến xã hội ngay. Dân mình còn đói khổ, ngu dốt quá. Chúng ta phải chống lại nạn đói và nạn dốt.

— Nếu vậy thì anh còn phân nản gì nữa ? Anh hiện đang thực hành ý nguyện của anh : anh dạy học để chống lại cái đói cho anh và vợ con anh, và chống lại cái dốt của học trò anh.

Thứ không đề ý đến câu nói đùa của bạn. Y vẫn buồn rầu bảo :

— Lắm lúc tôi muốn tàn nhẫn quá ! Tôi muốn làm một thằng bạt tử, chẳng nghĩ gì đến bố, mẹ, vợ, con để khỏi cái gì bận vướng thân. Phải là những người như thế, họa chăng mới theo được cái chí của mình. Lắm lúc tôi cầu cho vợ tôi ghét tôi và làm cho tôi ghét..

San nhìn xuống, bảo :

— Khi ấy, anh vẫn còn con anh, Chẳng bao giờ chúng mình có thể liêu được đâu ! ...

Oanh thật cũng là người biết dịu ngọt ăn tiền ! Hôm sau, y đã làm như quên hẳn chuyện xô xát ngày hôm trước. Y bảo Thứ :

— Này chú ạ ! Có lẽ chúng mình phải gào ông Đích tăng lương cho chúng mình, chứ không thì không sao đủ. Giá sinh hoạt tăng lên nhiều quá.

Y làm như y cũng cùng về một bè với Thứ. Cái lối mua chuộc lòng người ấy, khiến Thứ chỉ càng thêm ghét. Thứ nói bốp vào mặt cho y biết :

Tôi không đợi cô phải bảo. Tôi viết thư cho ông Đích rồi.

— Chú viết thế nào ?

— Đủ chuyện. Tôi tính rõ cho ấy biết số học trò từng lớp một, tiền thu được bao nhiêu, chi phí hết bằng nào...

Y vừa nói, vừa nhìn nét mặt Oanh. Y có ý ngờ Oanh vẫn tính gian với Đích, thu được nhiều mà nói rằng có ít. Nói như vậy, y muốn thử xem có thật thế chẳng ? Y cũng muốn tỏ cho Oanh biết y hiểu rõ sự lố lãi của nhà trường lắm ...

Oanh cười ngất. Y nhìn Thứ mà cười đến chảy cả nước mắt ra. Thứ chẳng hiểu ý nghĩa của tiếng cười ấy thế nào, nhưng thấy hình như Oanh chế nhạo mình. Y khó chịu :

— Cô cười gì ?

— Trông chú buồn cười lắm. Tương chú, chắc suốt đời vất vả. Chú không hay gặp may đâu. Nếu chú có thành tựu việc gì là do cố gắng, chắt vặt mãi, chứ không phải do may mắn.

Cười cười

nói nói

hằng ngày.

ma chẳng một ai
e ngại ...



Năng dùng

Hynos

Hynos

PHOSPHATE

tuổi ngày bảo vệ
mỹ cười và hơi thở
lúc nào cũng tươi
thanh khiết

muôn răng tươi tốt